

NGÔ KHẮC TÀI

*Chú Tiều
ngắm sen*



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



CHÚ TIỂU NGẮM SEN

Tác giả: Ngô Khắc Tài

Phát hành theo thỏa thuận giữa Công ty Văn hóa Hương Trang và tác giả. Nghiêm cấm mọi sự sao chép, trích dịch hoặc in lại mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

GPXB số 112-2007/CXB/07-01/THTPHCM

**In ấn và phát hành tại Nhà sách Quang Minh
416 Nguyễn Thị Minh Khai, P5, Q3, TP HCM
Việt Nam**

Published by arrangement between Hương Trang Cultural Company Ltd. and the author.

All rights reserved. No part of this book may be reproduced by any means without prior written permission from the publisher.

NGÔ KHẮC TÀI

Chú tiểu ngắm sen

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LỜI GIỚI THIỆU

Ngô Khắc Tài là một trong số ít nhà văn “miệt vườn” vẫn sáng tác khá đều đặn. Anh hiện là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam và đang sinh hoạt trong Hội Văn nghệ An Giang. Nhiều bài viết của anh đã từng được đăng trên báo Giác Ngộ.

Cách đây ít lâu, tôi rất vui khi nhận được tập bản thảo này của anh với lời đề nghị đọc và góp ý. Tuy chỉ là những sáng tác ngắn mang tính ngẫu hứng, nhưng thật thú vị là chúng ta lại có thể tìm thấy ở đây nhiều ý tưởng rất sâu sắc được trình bày qua giọng văn thật trong sáng, mộc mạc và dung dị.

Có lẽ sự cuốn hút của Ngô Khắc Tài không nằm ở sự tinh tế và hoàn mỹ, bởi như đã nói, anh có giọng văn khá đặc trưng của một nhà văn gần gũi nông thôn, với những cách diễn đạt thật mộc mạc và đôi khi quá dung dị đến mức trở thành hơi dễ dãi. Dù vậy, sự chân thành trong những ý tưởng của anh chính là lý do rất thuyết phục để độc giả sẵn lòng cảm thông cho những chỗ quá đà như thế.

Tôi rất hân hạnh được giới thiệu với bạn đọc tuyển tập mới nhất này của Ngô Khắc Tài. Hy vọng sẽ là một món quà ý nghĩa cho những ai yêu thích văn anh.

NGUYỄN MINH TIẾN

Hoa khai kiến Phật

I.

*M*ùa xuân đồng nghĩa với mùa hoa có từ khi thiên địa mới mở. Nó có thật mà như mơ, trong trẻo thanh cao, vô tư bên cạnh cõi *Ta-bà* phiên nào đầy những giá trị giả. Có lẽ vì thế một vị thiên sư đã viết “*muốt muốt hoa vàng phơi bày bát-nhã, xanh xanh cành trúc hiển lộ chân như*”. Trong lặng lẽ, hoa nở rồi tàn, không nói với ai điều gì. Vậy mà trong cõi lặng yên kia lại như thì thầm cùng ta, nên người tìm thấy ở hoa rất nhiều ngôn ngữ. Có người từ phố nhớ quê quay quắt trở về chỉ để ngắm sen trong hồ, cúc trong vườn nhà mùa thu, nghe lòng thanh thản bình yên trở lại rồi tiếp tục ra đi. Ngay đến hoa dâm bụt nở dọc

theo bờ giậu, hoa mướp vàng bò trên giàn nhà hàng xóm, cũng có tác dụng thanh lọc tâm hồn!

Từ đâu mà ra, hóa ra xung quanh cỏ hoa là món quà dành tặng người. Dù là người biết vật cũng chỉ nằm trong vòng hóa sinh, nhưng lắm trường hợp bất ngờ. Cả vùng đất cháy bỏng chỉ nhờ vào sương mù đêm xuống, sa mạc phát tiết nở hoa, nơi ấy xa xôi chỉ thấy qua màn hình, chưa tận mắt nhìn thấy. Chỉ thấy các trường hợp gần bên mình. Tỉ như mùa hè nắng chói chang, vùng Bảy Núi các con suối, giếng nước khô cạn, xung quanh cây cối rụng lá như mưa, còn tro cành khô khẳng khiu, riêng giống phượng vĩ lại trở hoa đỏ rực, nhất là giống măng cầu ta lại đợi lúc khó khăn này mới ra lộc non, đơm bông, kết trái. Bốn tháng nước nổi lênh đênh, quê đất An Giang vườn tược ử rữ, xác xơ, cây cối thi nhau chết. Vậy mà xoài, mận đơm bông, diên điển trở bông tròn vun giống mâm xôi màu vàng!

Trước hết hãy nhìn vào lòng mình. Mãi theo đuổi tìm kiếm nơi khác, lắm khi thấy hoa nở như trêu. Nhìn vào lòng mình, thì sự trêu cợt kia hóa ra lại là sự sống, hằng kết trái đơm hoa

dù trong nghịch cảnh. Nguyễn Du gặp hoạn nạn lui về vườn cũ đìu hiu, nhiều lúc không tìm ra gì bỏ vô nồi nấu nướng. Nhưng trong một bài thơ chữ Hán ông làm trong giai đoạn này, đặc biệt tôi nhớ và chú ý đến hai câu “*Lạnh tanh bếp lửa chiều qua, hoa vàng trước ngõ ngấm mà thấy ngon!*” Câu thơ cho thấy ông là người chuyển cái buồn nghịch cảnh sang cái vui đồng trần thật tài tình! Ông không phải là người xuất gia, nhưng qua đó thấy như ông đã chứng ngộ. Sự chứng ngộ bất chấp thời gian và không gian! Vì vậy, khi tìm trong sách vở người xưa, thỉnh thoảng ta lại bắt gặp những câu mới mẻ đến ngạc nhiên người đời nay!

II.

ạo Phật theo tôi như sợi chỉ mềm, là sợi dây đàn không một âm thanh, nhưng khi có tay người gảy, có làn gió đến vờn, cung đàn sẽ ngân lên khúc nhạc vi diệu. Mệnh mông vô hạn, vậy mà tất cả đều như có hạn kỳ. Hoa đúng hẹn lại lên. Hoa nở cho người mà ngỡ như hoa thêm lần nữa trêu ghẹo.

Tỉ như hai cây mai trước sân nhà tôi, bất ngờ có một cây trổ sớm, trước Tết mà nụ ra chỉ chút. Cuối năm mưa bão đi qua, nửa đêm còn vương vấn những giọt mưa cuối mùa tí tách. Trời se se lạnh. Cây mai theo ngọn gió đầu mùa ra nụ âm thầm trong đêm.

Nhưng còn hai tháng nữa mới đến Tết. Buổi sáng, tôi đứng trước cây mai ngắm nhìn. Hoa đi trước về sau, muốn nói với đời điều gì đây mà trổ sớm chẳng chờ gió xuân.

Hoa nở vì ai? Một ý nghĩ vui vui. Hay là thử ăn Tết sớm xem có cảm giác gì không? Thế là mặc cho người nhà ngăn cản, tôi bứt hết lá mai để cho những bông hoa bùng nở.

Tôi không thể tả được cái niềm vui hồi hộp, xao xuyến đợi hoa nở. Tôi muốn chia sẻ niềm vui ấy... nhưng hầu như ít có ai chú ý đến cội hoa vàng mơ giữa ngày mùa đông gió bắc hanh heo... Cũng có một hai người đi qua dừng lại ngắm nhìn giây lát. Tôi đợi một tiếng trầm trồ, nhưng chẳng có tiếng khen nào. Người dừng lại rồi quay đi, dường như nó không phải là hoa xuân dành cho ngày Tết sắp đến.

Tôi chặt một cành mai đem cắm vào bình, không khí vẫn không thấy thay đổi. Tết vẫn còn xa. Trở ra chợ mua trà, mua bánh, mua nhang... Chuẩn bị đúng nghi lễ đón xuân. Nhưng khi châm bình trà thơm, đốt nhang và mở băng nhạc xuân ra nghe... cũng vẫn là cảm giác đợi chờ không ra Tết. Tức mình, lại rủ thêm người bạn thân đến nhà. Anh đến nhà mang theo chai rượu, cùng ngồi lai rai bên hoa. Nhưng hai chúng tôi vẫn thấy đó chỉ là một cuộc vui bình thường. Vẫn nghe thiếu vắng một cái gì đó. Chẳng đủ độ, chẳng đủ tình để vươn tới phút nhiệm mầu mỗi năm chỉ đến một lần!

Hai người ngồi ngơ ngẩn bên hoa rồi nhìn bức tranh treo trên tường. Phật Di Lặc nở nụ cười hoan hỉ. Tôi không nhớ đã mua bức tranh ở đâu, treo nó lâu lắm, hằng ngày mỗi khi buồn vui lại nhìn Phật Di Lặc đưa cái bụng phệ toe toét cười, không chỉ riêng tôi mà cả nhà cũng không ai thắc mắc gì. Giờ đây cùng người bạn ngồi bên hoa nở sớm, nhìn Phật Di Lặc hoan hỉ, tôi vụt hiểu ra. Nụ cười của Phật Di Lặc là nụ cười dành cho mọi người. Cái thiếu của hai đứa, chỉ vì thuộc về số ít, không làm nên sự cộng hưởng của ngày Tết. Sự cộng hưởng chính là ý

nghĩa thiêng liêng của ngày xuân. Cũng như sự thiêng liêng của đức Phật A-di-đà là ở lời nguyện. Ngài luôn trở xuống tận ngục *A-tỳ* để độ cho đến người cuối cùng.

Ngày Tết đến, những người may mắn, những ai lận đận, trước mùa xuân về đều nghe lòng rạo rức, xao xuyến. Cảnh mai trở sớm chẳng làm nổi điều này, chỉ vì “*hoa khai*” không “*kiến Phật*”! Kiến Phật để tìm thấy cho mình một niềm vui không dứt, một sự an lạc bền vững, phúc đức giữa cõi đời hữu hạn như ảo ảnh, như gió thoảng mây trôi!

Lối về

mùa xuân

I.



ôi lúc
a n h

nhận thấy giữa mình
với Sáu có nhiều khác
biệt. Không hiểu sao
hai người lại thường đi
chung với nhau. Vào
quán cà phê, trong lúc
lỗ tai khổ sở vì tiếng
nhạc ồn ào, mắt anh
vẫn thấy rõ chiếc lá cây
gie sát thùng loa đang

run rẩy vì tiếng động quá lớn, nhìn những giọt
cà phê rơi như những suy tư. Mỗi người phải
biết rõ suy tư của mình bắt đầu từ đâu. Của ai
ấy biết!

Riêng anh, anh nhớ mãi sự cụ ở ngôi chùa
xưa nơi quê nhà. Những ngày rằm thỉnh thoảng
đi chùa đàm đạo với sư cụ, rồi anh nhớ mãi. Ai
nhanh, ta cứ đi nhịp chậm rãi, thông thả để
nhận ra chân tướng của vô thường. Lấy tịnh chế
động, để thấy thế giới của an lạc đâu đâu cũng
có. Tâm thanh tịnh sinh ra tinh thần. Từ tinh

thần sinh ra trí lực. Trí lực có khác với trí huệ không? Lúc đó anh không chú ý, định bụng khi nào về quê sẽ hỏi lại sư cụ.

Giờ thì anh đang nhớ tới lời dạy kia và quan sát cô bạn gái ngồi bên cạnh. Sáu rõ ràng như bị phân tâm, cái đầu một đằng, cái tay lại đi một nẻo, khiến Sáu cầm huyệt ly cà phê hai lần. Anh các cố chế nước trà vô ly cà phê, hỏi Sáu cà phê pha có ngon không. Sáu thản nhiên gật đầu.

Khi hai người ra tới đường, Sáu vẫn giữ thái độ dửng dưng. Bất ngờ khi đi ngang qua cửa hàng, cặp mắt Sáu bỗng trở nên sắc sảo. Bước vô cửa hàng, lệ làng hỏi giá món này món nọ. Chiều hai mươi Tết, thành phố người và xe chen nhau, khói bụi mịt mù như thuốc tán, anh hóa thành người giữ hàng hóa cho Sáu, dưới chân còn một bọc ny lon to tướng.

- Em mua chi nhiều vậy?

- Thì mua để tặng người này người nọ, anh còn đi hỏi.

Anh lại thêm một thắc mắc. Hai đứa cùng quê lên đây trên mười năm. Anh vẫn còn là một

nhân viên quên, mỗi lần trời đổi gió nhớ nhà không chịu nổi! Sáu đã thành dân kẻ chợ thị thành. Trường hợp này giải thích sao đây? Mà làm sao Sáu biết được ông này thích cá mèi hộp *Sumaco*, bà kia thích khô cá đường, mù tạt... Té ra, cử chỉ nắm huyệt ly cà phê với thái độ mua sắm tuy tương phản mà lại tương khớp nhau. Anh vẫn là đứa chậm chạp trong thời buổi kinh tế thị trường. Nhưng sao Sáu lại yêu anh? Đêm cuối năm, thành phố dưới ánh điện xanh vàng của đèn cao áp bỗng dưng hiu hắt, do anh thấy buồn chẳng?

Thôi thì cuộc đời vẫn luôn thay đổi, ai theo được thời cũng nên mừng cho người ấy. Thời đại đã đi vào công nghiệp hóa, kinh doanh hạch toán, không cho phép cá nhân nào trễ tràng. “*Tam thập tự lập, tứ thập làm chi làm gấp, ngũ thập tay chân run lập cập, lục thập còn hơi sức đâu mà tri thiên mệnh?*” Cuộc đời diễn nôm na là như vậy!

Còn anh phải tự biết mình, không có khả năng tranh đua thì nên tiếp tục cần mẫn với công việc. Như người họa sĩ cứ lo vẽ tranh, bác

thợ mộc cặm cùi đóng bàn ghế... Một phút trôi qua chính là tiền. Nhưng anh vẫn linh tính được điều gì đó sẽ xảy ra giữa anh với Sáu...

II.

Hình như có những ngày, những tháng, những buổi sáng mở cửa ra nghe bụng dạ bứt rứt, cãi vã với bạn bè luôn...

Và cũng có những ngày, những tháng, những buổi sáng nghe lòng lâng lâng, gặp người đẹp đầu ngày thiên hạ bảo xui vẫn nở nụ cười chào hỏi, mời bạn đi uống cà phê, cho tiền con nít một cách hào phóng...

Vì con người như vậy, thầy bói mới có dịp kiếm ăn. “Nói nhỏ với cậu, năm nay có sao chổi đụng vào sao Mộc, nên người ta hay sổ mũi nhức đầu, riêng tuổi của cậu đụng phải khúc đuôi của sao, may mà cậu có quý nhân phù trợ...” “Dạ, tui xin cảm ơn thầy Hai...” Mỗi sáng thức dậy là do những suy nghĩ trong đêm để rồi người ta buồn hay vui. Thầy nói như vậy, đồ thầy biết đêm qua tui ngủ có ngon không...

Anh đứng nhìn ra sân thượng, cách cửa sổ phòng anh độ vài thước. Buổi sáng, chim sẻ ríu rít nháy nhót tắm nắng sớm trên mái phố đỏ tươi. Khi nắng gắt, một số nháy xuống sân vơ vẩn. Sân có trồng hoa hồng, mai chiếu thủy, mai vàng... Có được một khoảng xanh mát xen giữa những ngôi nhà cao tầng, đủ biết chủ nhân là tay nhà giàu, mặc dù không biết họ làm nghề gì. Người vợ mặc đồ ngủ màu hồng bước ra, môi son màu tím.

“A! Mai nở thêm sáu bông nữa nè anh!” Người vợ reo lên, anh chồng chạy ra: *“Ồ, đẹp quá! Vậy tất cả là mười sáu bông.”*

Bỗng anh đâm ra xao xuyến trước hạnh phúc của kẻ khác. Mai nở mà đếm từng bông! Anh lại nhớ quê. Vẫn là hình bóng ngôi chùa cổ kính rêu phong. Cũng cây mai trước sân kia, sự cụ có lần hỏi anh có biết hoa nở lúc nào và rụng lúc nào không? Sự việc biến đổi ngay trước mắt mà người còn không để ý. Hoa nở rồi hoa rụng trong gió, nhưng mùa xuân ở đâu? Tâm xuân ở đâu, có mất hay không? Hóa ra hoa nở, hoa rụng nhưng

mùa xuân như lặn vào bên trong thân cây mãi mãi không mất. Niềm vui bắt đầu từ những cái thật gần gũi, rồi mới đi xa hơn...

Rồi tối hôm đó, bất ngờ anh nghe tiếng hai vợ chồng cãi vã vọng sang. Người chồng đánh vợ... Bịch, bịch... bốp!

- Tiền đâu hết rồi?

- Con Oanh nó lấy đi rồi, em xin lỗi anh.

Người đàn ông đưa tay tát mạnh vô mặt người đàn bà.

- Tiền bạc mà, tao đã nói rồi, chẳng tin tưởng được ai.

Anh rời cửa sổ, nghe lòng khắc khoải. Cảnh tượng hoàn toàn trái ngược với buổi sáng: những phút giây hiếm hoi của đời người. Có gì đánh đổi được những giây phút vui vẻ êm đêm ấy? Nhưng vì sao người ta khi đạt tới lại buông bỏ quá dễ dàng? Anh càng nhớ đến lời dạy của vị sư già, như nhìn thấy đức Phật từ trong mênh mông sâu thẳm đôi đôi mắt hiền hoà nhìn về cõi

nhân gian náo nhiệt. Và chẳng phải vô cớ mà anh bỗng thì thầm gọi khẽ... Sáu ơi!

III.

Anh đã nhận thấy rõ giữa mình với Sáu có nhiều khác biệt. Một người thì con mắt sáng len lỏi giữa buổi chợ mai đông đúc, một người trái lại có lỗ tai thính ban đêm dõi theo tiếng kêu chim chíp của chim sẻ mới nở dưới mái nhà nghe lòng nao nao. Nhưng tại sao khi Sáu vắng mặt hai ngày thôi, anh lại nghe nhớ, nghe sốt ruột. Sáu thì không có thời gian rảnh rỗi. Tay liền miệng, miệng liền tay, suốt ngày chạy liên tục đầu này, đầu nọ... Nhiều lúc Sáu tạt qua thăm anh như chỉ để ngó mặt một cái rồi đi. Trường hợp của anh với Sáu kể ra cũng đặc biệt. Sáu dường như đã chú ý tới nét mặt của anh:

- Anh có điều gì mặt mày trông buồn so vậy?
- Ừ, buồn nhưng thanh thản, dễ chịu.
- Cái gì?

- Nếu người ta biết được mình buồn thì nghe thanh thản, dễ chịu.

- Mốc xì, bày đặt hoài! Sự khép kín chỉ làm cho đời ta không sáng hơn. Có tiền bụng dạ mới yên ổn, nghe chưa.

- Có lẽ cũng đúng.

- Sao lại cũng đúng, anh thật dễ ghét. Vắng em anh có nhớ không?

- Hỏi hoài... Anh còn hình dung ra được cái tư thế lúc ngủ nằm co của em nữa kìa.

- Thôi, mình đi chợ chơi. Tết nhứt ở nhà hoài sao?

Tự dưng anh thấy ngán ngại. Chợ búa trong những ngày giáp Tết đông người. Rồi những quán xá quen nhẵn mặt, quen đến độ không còn nhớ ra... Và rồi, chuỗi thời gian ngồi quán bên nhau và đã kết hợp nên quãng đời người. Về sau đó... Hình như khi gió lay mùa xuân mới bắt đầu động dậy. Mọi vật có đường quỹ đạo riêng, tiếp tục quay cho tới khi gặp được mùa xuân. Dĩ nhiên không tránh khỏi sự cọ xát, đan chéo vào

nhau... Nhưng cuối cùng người nào cũng đứng được không té sụm, nhờ đã chuẩn bị trước trong những đêm không ngủ...

Xanh, đỏ, tím, vàng. Những ngọn đèn màu chập lại với nhau. Tiếng chén đĩa chạm leng keng. Rồi nhạc *rap*. Mọi người nói với nhau như hét. Hai người đang ngồi với nhau, chợt một thanh niên đã uống rượu nới đầu mặt mũi đỏ ửng bước tới, kéo ghế ngồi kế Sáu:

- Anh kiếm em suốt cả ngày nay? Ai vậy em?

- Giới thiệu với Sơn, đây là anh Lạc, một cây hiểu biết.

- Hiểu biết về chuyện gì em? Có hợp đồng làm ăn không?

- Anh Sơn giỡn hoài. Anh Lạc không như mình đâu.

- Ha ha.. Tôi thì không biết nhiều. Ngoài chuyện làm ăn tôi chỉ biết thêm ông Đặng Thái Sơn, vì nghe đâu mỗi lần biểu diễn kiếm bộn tiền. Hơn nữa, ổng giống tên với tôi - Đặng Hoài Sơn, nghe cũng hay đấy chứ?

Anh nghe máu nóng bốc lên mặt mũi. Nhưng Sáu lên tiếng:

- Thôi nghe Đặng Hoài Sơn, say rồi nghe.

- Say à, tôi nói chuyện này cho cô nghe để biết tôi say hay tỉnh.

Người thanh niên nói khẽ điều gì đó với Sáu. Con giận đã khiến lỗ tai anh lùng bùng, không nghe được họ nói gì với nhau. Dường như hẹn hò đi đâu đó. Quyền tự do riêng tư của Sáu, anh không muốn xen vô. Hơn nữa, anh thường chứng kiến như thế này đã nhiều. Anh không biết gì về công việc của Sáu!

IV.

*S*ãi tối ngày hai mươi tám Tết, Sáu vẫn chưa trở về thăm quê. Sáu đã từng nhiều lần ăn Tết xa nhà nên quen rồi chẳng? Anh không thể chờ đợi được nữa. Bây giờ, trước mắt anh là mùa xuân quê nghèo. Trên bàn thờ, đèn, khói nhang, mâm ngũ quả...

với những hoài niệm về tuổi thơ luôn sáng mãi bên đời. Trái tim ai chưa hoen ố bởi lớp bụi thời gian, vào ngày xuân hồn trong như ánh nắng đầu ngày chiếu từ hiện tại về quá khứ.

Năm tháng nơi quê nhà trôi bên công việc đồng áng cần cù. Vẫn còn đó mẹ anh. Lúc chiến tranh mẹ đã phải chịu biết bao mất mát, tới nay mẹ vẫn còn phải hết lo cho chồng tới lo cho con, rồi tới lo cho bây cháu... Buổi sáng mẹ vẫn dậy sớm, vẫn còn ra đồng nhổ cỏ, điều khiển con cháu... Anh vẫn chưa trả hiếu được cho mẹ. Thật ra, tiền anh gửi về nhà mẹ vẫn giữ nguyên đó, như cát giùm cho anh. Dân quê không làm ra tiền nên không xài tiền dễ dàng như dân thành thị. Đời sống nơi khu phố anh đang ở so với quê nhà, khoảng cách xa lắc.

Khi ngọn gió bắc thổi từ ngoài sông vô tới vườn cây, bụi tre như rù rì cúi đầu chịu gió, làng quê êm ả đã chuẩn bị đón Tết rồi. Người dân quê nghĩ đến Tết từ cuối tháng mười một. Lúc này nước rút nhanh, giá cá rất rẻ. Mẹ anh mua cá về xẻ khô để dành. Trong vườn ô môi đã khô treo lủng lẳng. Những trái ô môi xấu xí, ngâm

rượu đến tháng sau là uống rất ngon. Đầu tháng mười hai, mẹ đem hạt giống bông thọ gieo trên liếp, rồi ép chuối phơi khô. Tháng này, các ngả đường quê sáng lên màu trắng của bánh phồng, bánh tráng... Bánh được trải ra trên mấy tàu lá dừa đan thành niềng, dựng từ sân ra tới ngoài đường. Xoài đã bắt đầu trở bông, trái lấm tấm như trứng cá. Thôn quê chuẩn bị đón Tết nhẹ nhàng, từ từ, không ồn ào. Các thứ đâu vào đấy, ngày Tết chỉ còn mua thêm ít món gia vị, trà, câu đối, dưa hấu, nôi thịt nữa là xong.

Thông thường, nhà anh có đủ hai thức mặn, chay. Mặn dành cho lũ trẻ và khách khứa đến chơi. Riêng ba mẹ anh ba ngày đầu năm luôn ăn chay. Về điều này, anh nhớ cũng chính do sư cụ dạy cho mọi người: *“Nếu không ăn chay luôn được thì vào những ngày rằm lớn và ba ngày Tết nên ăn chay. Vì đây là dịp nhìn lại thân tâm mỗi người và thể hiện lòng từ bi.”*

Mùa xuân, vạn vật tràn trề sức sống, phát triển giống nòi. Theo anh, sư cụ dạy hai chữ từ bi vào lúc này thật phù hợp với khoa học. Anh nhớ có một năm, ba anh lên chùa xin sư cụ hai

câu đối. Mãi về sau anh mới hiểu sâu được lời sự cụ nhấn nhủ trong câu đối:

- *Không tham không hãi, không dại không lo, không cứng cổ không hư khí tượng.*

- *Có phúc có phần, có nhân có quả, có lọt lòng có nợ nước non.*

Những con người hiền lành của đất đai xứ sở quê hương, mái chùa xưa cũng là hình ảnh tuổi thơ anh. Anh khó lòng quên những hình ảnh đã ăn sâu trong lòng. Dù cho sống ở thị thành đã hơn mười năm, anh vẫn còn là đứa trẻ thôn quê ra. Tết đến là phải lần về nhà!

V.

 gày hai chín, Sáu đang ở Sài Gòn. Trên này lỗ tai như lưng búng, người và xe cộ quay cuồng. Sáu với bộ áo đầm thời trang, đang đi cùng với Sơn giữa phố xá tràn ngập hàng hóa. Chợt Sáu đột ngột dừng lại:

- Em thấy nhớ nhà!

- Nhớ nhà hay nhớ thằng cha cù lần đó?

- Ủ, thế mới là chuyện lạ.

- Cái gì mà kỳ vậy, giải thích coi?

- Em cũng khó giải thích cho anh hiểu. Mình vật chất đầy đủ nhưng tâm hồn lại thấy trống trải, mệt mỏi. Mình tiếp tục đi tìm để lấp đầy khoảng trống ấy. Thằng cha cù lần đó cho em thấy rằng tâm hồn con người vẫn lớn hơn nhiều so với vật chất. Để sống được, thật ra con người cũng chẳng cần bao nhiêu... Có lẽ em phải về quê, ở đó còn có cội nguồn mùa xuân với tình người chất phác...

Người thanh niên ngơ ngác nhìn Sáu. Giữa đường phố Sài Gòn buổi sáng, xe cộ, người đi ì ầm, nhưng tiếng thì thầm của mùa xuân ngày một dâng lên. Và có kẻ đang lắng nghe...



I.

Rằm tháng bảy là một ngày rằm đặc biệt. Ngoài việc báo hiếu song thân, trong thời tiết mưa gió sục sùi, lòng người còn mở thông ra nhiều cõi bên ngoài, nhớ đến bao người. Tục cúng cô hồn lang thang xó chợ đầu đường mang đầy tính vị tha nhân bản. Hầu như sự vĩnh hằng, thời gian hữu hạn kéo đi bao nhiêu đổi thay. Và cái chết là một trong những chủ đề lớn của các nhà thơ. Không phải tự nhiên mà mỗi năm đến rằm tháng bảy tôi luôn nhớ đến “*Văn tế thập loại chúng sinh*” của Nguyễn Du.

*Cũng có kẻ chìm sông, lạc suối;
Cũng có người sẩy cội, sa cây;
Có người leo giếng đứt dây,
Người trôi nước lũ, kẻ lây lửa thành.*

Thế là:

Khi sao đông đúc vui cười,

Hoa khai Cực Lạc

Mà khi nhắm mắt không người nhật xương?

...

*Kẻ thân thích vắng sau vắng trước,
Biết lấy ai bát nước chén nhang!*

Và nhớ đến Tản Đà với “*Thăm mả cũ bên đường*”

*Hay là thuở trước kẻ văn chương,
Chen hội công danh lỗ lạc đường,
Tài cao phận thấp chí khí uất,
Giang hồ mê chơi, quên quê hương!
Hay là thuở trước khách hồng nhan,
Sắc sảo khôn ngoan trời đánh ghen,
Phong trần xui gặp bước lưu lạc,
Đầu xanh theo một chuyến xuân tàn!*

“*Rằng hay thì thực là hay*”, nhưng theo tôi thì hai bài thơ trên thuộc về loại *quán*. Giống như “*quán thân bất tịnh*”, mang tính cách luận lý, nếu không khéo thì *bất tịnh* với *thanh tịnh* là hai mặt trong một con người sẽ trở thành nỗi *tự kỷ ám thị* trước điều không tránh khỏi, để rồi chán sống hoặc yêu cuồng sống vội, quên mất rằng cuộc sống này là quả của nghiệp. Nghiệp lẽ ra có thể được giải từ ngay lúc người đang sống, lẽ ra ta phải vun đắp cho cuộc sống này thanh

cao lâu dài. Vì thế, theo tôi thì không so được với bài thơ sau của hoà thượng Tế Diên:

*Sáu mươi năm bừa bãi,
Vách đông đánh đổ vách tây.
Đến nay thu nhật quay về,
Như xưa nước liền trời biếc!*

Tôi không biết hoà thượng Tế Diên là nhân vật có thật hay hư cấu. Đôi lúc người thật cũng trở thành huyền thoại, hư cấu và ngược lại. Chẳng phân biệt được. Chính vì vậy, khi đọc lên mấy câu thơ của ngài, người ta lập tức trực nhận được những cái thấy khác như *không*, như *vô*, tỉnh thức mở cánh cửa thông dong một cõi đi về, thấy cuối tầm nhìn trời nước gặp nhau!

II.

hấm mắt, qua đời, chết ngắc, chết ngủm, tử vong... người đời rất phong phú từ ngữ để diễn tả điều đáng sợ không ai tránh khỏi. Tôi lại thích những từ như *đi*, *quy cố hương*, *quy tân gia*... tuy có vẻ như đùa cợt nhưng lại gần với chân lý. Tuy nhiên, thích nhất vẫn là cụm từ nhà Phật “*hoa khai Cực Lạc*”. Để

chỉ cái chết sao lại nói là hoa khai? Chỉ vì chết không phải là trạng thái *tĩnh*, mà đó là một trạng thái *động*. Chết thân cũ để thay thân mới. Sự chết chỉ là một phen trong vô số lần chết. Sự sanh cũng vậy, cũng là một lần trong vô lượng kiếp sanh. Hoàn toàn phù hợp với quan niệm khoa học - vật chất biến đổi từ dạng này sang dạng khác.

Tôi nhớ lúc còn nhỏ, những người lớn tuổi như mẹ tôi, đi chùa thấp nhang lạy Phật xong bao giờ cũng đến trước bàn thờ vong có mấy chữ “*hoa khai Cực Lạc*” xá ba xá. Tôi đứng bên mẹ, nhìn lên cả trăm tấm ảnh vong linh: đàn bà, đàn ông, có người rất trẻ và có cả ảnh trẻ con... Tôi sợ lắm. Tôi hỏi mẹ trong số các ảnh vong đó có ai là bà con không. Mẹ nói không. Vậy tại sao mẹ tôi và những người đi chùa lại đến đây thấp nhang xá xá? Mẹ không giải thích hành động mình. Có lẽ ngày ấy tôi còn quá nhỏ không hiểu được, nên mẹ không nói.

Nhờ đạo Phật, người Việt có được truyền thống nhân bản, bao dung, không phân biệt mọi hương hồn đã khuất. Rằm tháng bảy cúng hết các cõi, cúng hết cô hồn, kể cả lập bàn thờ cho

kẻ thù, như đền Phục Ba Tướng quân (Mã Viện) ngoài miền Bắc chẳng hạn.

Ngày nay đi chùa thấy tục xưa như mai một. Trừ những người thân đi chùa mới đến trước bàn vong để tưởng niệm cha, mẹ, bà con, còn những người không thân chỉ lướt nhìn hờ hững. Có lẽ người đời nay thấm tư tưởng nhị nguyên của phương Tây, phân biệt rạch ròi đen trắng, tả hữu, ta người. Nó là nguyên nhân của mọi cuộc khủng hoảng, đổ vỡ như ta đã thấy. Khi nói không tâm linh, tôi thấy người nói nghèo nàn làm sao! Dường như ở giữa không tâm linh với tâm linh có một vùng giao thoa, mập mờ. Những câu hỏi của đời sống từ đây mà ra. Chính từ vùng này đã khơi dậy những phát minh, sáng kiến khoa học.

Từ cái cảm giác sợ sệt trước bàn vong không dám nhìn, dần dần tôi thơ thẩn đứng nhìn các vị lâu hơn. Nhìn những tấm ảnh đàn ông, đàn bà, người già, người trẻ trên bàn, không ai giống ai, không có người thứ hai lặp lại, nhưng tất cả đều như nói với tôi một điều: cuộc sống này đáng quý biết bao nhiêu! Một lúc nào đó rời xa cuộc

sống này, tôi không biết gì về cõi xa kia... nhưng lại trực nhận ra một điều đáng sợ là sau cái chết mọi người đều bình đẳng, chẳng khác gì nhau, trừ ra những nghiệp quả đã tạo. Chết không phải là sự chấm dứt, vì còn có nghiệp quả. Trong nghiệp quả lại có biệt nghiệp, cộng nghiệp, tức là những điều mình đã tự tạo ra hoặc cùng với người khác tạo ra... Rồi còn có sự tiếp nối của những người thân thuộc, con cháu, dòng họ... Phải chăng chết cũng chỉ là một điểm khởi đầu? Cuối cùng, khi hướng về nơi cõi xa kia, sự thức tỉnh lại chiếu soi cho tâm thức ta ngay trên mặt đất này. Phải chăng đó chính là ý nghĩa diệu ảo của mùa Vu lan, mùa báo hiếu?



CHÚ TIỂU

NGẮM SEN

I.

*M*ột vài bông sen đã nở vươn cao lên khỏi mặt hồ. Màu sen hồng bao lấy nhụy vàng giống như ngược mắt nhìn lên trời xanh. Vài búp sen khác cũng sẽ xoè cánh nội trong ngày vì nó tròn vun đầy đặn.

Sáng sớm, người ở xóm Núi Nhỏ, ông Sáu thợ mộc, cô Hà, bà tư Nhanh lên chùa để võ mấy vòng khoai lang, đốn bắp. Thỉnh thoảng, chùa hay có những buổi họp mặt đầm ấm, sẵn có khoai, bắp còn mới ngọt ngào đó, nấu món gì ăn chơi. Sen thì có gì lạ, nhìn quen mắt rồi. Chỉ trừ chú tiểu Tâm Minh ra. Khi mọi người loay hoay với công việc, chú như không chịu yên mà cứ chạy vào, chạy ra giữa hồ sen với vườn chùa...

- Kệ Tâm Minh, hôm nay chú quyết tâm rình xem sen nở đó.

Sư mím cười nhẹ nhàng. Người xóm núi ngâm cho là thầy cứng học trò, nên khi Tâm Minh quay lại, cô Hà chế giễu:

- Bao giờ sen nở, tiểu sư phụ?

- Chắc từ đây tới trưa. Không trưa thì chiều. Hoặc mai nó mới nở.

Tâm Minh tỏ ra biết đùa. Nhưng lần này Tâm Minh không đùa. Vì sư phụ nói chẳng mấy người được ngắm sen. Đó là giây phút rất kỳ diệu!

Mọi người chợt nhớ cách đây hai hôm, sau thời kinh tối mọi người ngồi dùng trà với sư Mãn. Tình cờ ông Sáu có nhắc tới Hội Long Hoa gì đó, có Trời, Phật sắp xếp lại người thiện, kẻ ác... Bây giờ đi đâu cũng nghe lao xao về chuyện này. Trước đó, bà Tư và cô Hà cũng hỏi. Sư hầu như không giải thích cặn kẽ, chỉ nói:

- Đạo Phật diệu diệu thâm thâm, sinh sinh hóa hóa. Theo sư hiểu thì hầu như kinh điển

nhà Phật không có nói tới ngày hội như thế. Nhưng mà ai đó đã bày ra, thôi thì có sinh ắt có diệt.

- Nhưng bao giờ?

Ông Sáu hỏi vặn lại. Lần nữa, Sư lại trả lời vu vơ.

- Ông Sáu này, thông thường người ta chỉ thấy hoa sen khi nó đã nở xòe, nhưng vào giây phút đóa sen run run bung cánh ra, có mấy ai được nhìn thấy? Đây mới chính là việc thật.

Ba người ngồi im suy nghĩ. Quả nhiên ai cũng mắc công mắc việc, kiếm sống hết hơi, có ai thanh nhàn đâu mà ngồi một mình trước đóa hoa âm thầm chờ phút hoa khai? Tình cờ, chú tiểu Tâm Minh đã khiến cho ông Sáu, bà Tư, cô Hà sáng nay cũng muốn nhìn xem sen nở như thế nào...

II.

Trái núi nhỏ bé có tới bảy ngôi chùa. Người ta thường lui tới sáu ngôi chùa kia vì nằm ở mặt

núi giáp với thị trấn sung túc nên các chùa ấy khang trang, nhiều tượng Phật. Phía sau núi hiu quạnh, giáp với đồng ruộng bao la là chùa của hai thầy trò. Trước kia là miếu thờ Thần Nông bị bỏ hoang, Sư về mới sửa sang lại. Gọi là chùa, nhưng thật ra nó chỉ là một mái nhà lá khô giòn theo mưa nắng. Tượng Phật trang nghiêm đặt ở giữa nhà.

Sư về đây có một mình. Một mình Sư phát hoang cây cỏ rậm rạp phía sau hậu liêu, biến thành miếng rẫy trồng trọt. Trong xóm hầu hết là dân nghèo. Ban đầu người ta nghe tiếng mõ lốc cốc khuya sáng, cảm thấy góc núi hiu quạnh như ấm lên. Nhưng Sư vẫn chưa thu hút mọi người lắm. Dần dần, ở vị sư gầy gò ấy như toát ra vẻ gì đó thật dễ mến và đáng kính. Chẳng hạn, Sư bán khoai củ được ít tiền liền đem giúp người trong xóm. Chẳng hạn, Sư không chấp nhận những ai đến xin tu với lý do chán đời, thất tình...

Trường hợp của chú tiểu Tâm Minh, thật ra sư đã không nhận, mặc dù mẹ của Tâm Minh theo nài nỉ mãi, chỉ vì chú mới mười tuổi, chưa đủ trí khôn để tự quyết định cuộc đời. Cuối cùng,

Sư chỉ chấp nhận cho Tâm Minh tạm ở chùa, đến năm 16 tuổi mới cho quy y chính thức.

Năm nay Tâm Minh được mười bốn. Tâm Minh còn trẻ con, hiếu động, thường dậy trễ, ngủ gà ngủ gật lúc tụng kinh, tiếng mõ lúc nhanh lúc chậm. Tâm Minh bị phạt quỳ hương không biết bao nhiêu lần rồi. Lúc buồn, chú tiểu lại ngêu ngao mấy câu vọng cổ. Nhưng bù lại Tâm Minh có tâm tánh hiền lành. Một buổi chiều chú mở cửa chánh điện, lỡ tay làm kẹt chết con thằn lằn, chú khóc ngon lành.

Thấy thiên hạ xúm nhau ăn thịt chó, Tâm Minh xin ở đâu một con chó đem về chùa nuôi, cố chứng minh rằng con vật bốn chân này cũng có trí khôn. Sư căn dặn, Tâm Minh năn nỉ: “*Con sẽ nhịn cơm nuôi nó.*” Chú đặt tên cho con chó là Giác. Một hôm, Sư nghe trong buồng chú tiểu vọng ra tiếng mõ lốc cốc lẫn tiếng chó kêu ăng ẳng. Té ra Tâm Minh vả con chó phù mỗ để dạy việc chi đó... Hai tháng sau, mỗi lần có khách đến chùa, Tâm Minh hớn hỏ đem con Giác ra khoe. Màn thứ nhất, nghe tiếng mõ, Giác đứng hai chân xá xá. Màn thứ hai, Giác kêu lên mấy tiếng bên chén cơm trộn nước tương, rồi cúi đầu

ăn. Khách khen con Giác và cho Tâm Minh ít tiền. Qua màn thứ ba, con Giác chạy rong qua nhà ông Sáu thợ mộc, mấy đứa cháu nội của ông Sáu lấy cơm trộn cá cho con Giác ăn. Thế rồi một bên có tóc, một bên trọc đầu xảy ra cuộc đánh nhau. Chú tiểu Tâm Minh chưa hết buồn vì thầy tỏ ra giận chú. Đến màn thứ tư, con Giác đến tuổi rượn đực nên bỏ chùa đi. Cô Hà nói nó đi vài ngày sẽ quay về, nhưng chú tiểu thì coi như tới đây xong chuyện, vì con chó đã hết duyên...

Ở lưng chừng núi mà chùa có một hồ sen với xi măng trộn đá bao quanh là cả một kỳ công! Việc làm hồ sen này phát xuất từ bà Tư Nhanh. Bà là người khá giả trong xóm nghèo. Bà nói, dù là góc núi hiu quạnh, xóm toàn dân nghèo, nhưng ngôi chùa cũng phải được xây cất lại khang trang để sau này cho con cháu noi theo. Bà bàn với ông Sáu thợ mộc quyên góp để xây tường, lót gạch bông cho chùa. Thầy của Tâm Minh khẳng khẳng không chịu nhận. Cuối cùng sư đề nghị, thay vì cất chùa, lấy đá xây quanh chỗ trũng trên núi để làm hồ sen. Nước mưa trên núi tràn xuống, vừa có nước sinh hoạt cho xóm, vừa có sen hái cúng Phật.

Đêm qua, dường như là tình cờ, Sư nhắc đến phút nhiệm mầu được nhìn hoa sen run run hé nở.

III.

 hú tiểu Tâm Minh cứ chạy đi, chạy lại giữa vườn chùa với hồ sen. Hơn chín giờ, chót búp sen chỉ khế rộng hơn lúc sáng, chưa thấy nhụy vàng bên trong đóa hoa. Có thể sen sẽ nở vào khoảng trưa nay. Bây giờ Tâm Minh mới biết thế nào là sự chờ đợi nôn nóng, mặc dù thầy của chú có dạy, trong các tật xấu của người đi tu cần phải bỏ đi sự nôn nao nóng nảy. Lòng chú như có lửa cháy, song chú vẫn cố ngồi yên nhìn xuống mặt hồ. Chú chưa biết việc thu hoạch đã xong, cô Hà lo rửa khoai, lột bắp và bà Tư cùng ông Sáu đã đến sau lưng chú từ lúc nào. Thật tình, hai người cũng muốn xem sen nở, nên cả hai không còn chọc ghẹo chú. Già với trẻ cùng ngồi lặng yên thanh thản. Gió bắt đầu thổi rì rào, lá tre, lá duối bay lác đác xuống mặt hồ, đập trên những tấm lá sen to xòe.

Từ lưng chừng núi nhìn xuống, ruộng đồng chia thành những ô vuông vức, lúa chín trước, chín sau giống như tấm thảm dệt bằng hai màu vàng, xanh. Mây trắng đầy bầu trời xanh, thả những cái bóng là là xuống tấm thảm. Mỗi người bắt gặp vẻ đẹp thiên nhiên theo một cách khác nhau, trong giây phút tình cờ nào đó. Ông Sáu thợ mộc đã hơn 60 tuổi, không còn ai thuê muốn nữa, truyền nghề lại cho con cháu, ông mới có những phút rảnh rỗi lên chùa ngắm cảnh. Bà Tư lên chùa thường xuyên, nhưng tới nơi là tay liền miệng, miệng liền tay chứ chưa bao giờ ngồi lặng lẽ như sáng nay. Tất cả là sự tình cờ. Trong lúc sen chưa nở, họ gặp bóng mây trôi là đà trên mặt ruộng, trong khi đứng dưới đất lại thấy đó là bóng râm. Khó ai ôm trọn thiên nhiên, vì ở mỗi góc độ thì cái nhìn của mỗi người mỗi khác. Trong mỗi khoảnh khắc rất ngắn ngủi, đạo Phật gọi là *sát-na*, nó luôn biến đổi khôn lường. Muốn cảm nhận được, tâm hồn phải thật tĩnh lặng, như sáng nay cả ba người cùng ngồi yên chờ hoa nở. Mà sao thời gian cứ chậm chậm trôi... Mười, mười lăm phút, nửa giờ rồi... nhưng búp sen vẫn chưa nở rộ. Bà Tư mất kiên nhẫn:

- Thôi hai ông cháu ngồi đây, để tôi xuống bếp phụ với cô Hà.

Ông Sáu phụ họa:

- Lên đây là phải uống trà, đàm đạo với sư. Thôi chú Tâm Minh trông chừng, lúc nào hoa nở cho ông hay.

Rồi hai người bỏ vào trong, còn lại một mình Tâm Minh. Âu đó cũng là duyên của mỗi người. Nhưng Tâm Minh có lẽ vì mãi mê nhìn xuống hồ nên chỉ thấy lá sen phủ mặt nước, còn những búp sen hồng cứ thế không có gì khác nữa. Mặt nước khẽ xao động và những cọng sen khẽ đong đưa...

Bên trong chánh điện, Sư cất giọng trầm trầm:

- Địa ngục cũng tại thế gian, *Niết-bàn* cũng tại thế gian. Việc của ngày mai có thể thấy được do tâm hồn của mình hôm nay. Về cái ngày tận thế đó, thật khó mà giải thích, ông Sáu à. Tuy nhiên, nếu vì lý do nào đó ta chưa rõ, trong lòng sợ sệt thì nên đến chùa. Tất cả thôi thì cũng chấp nhận. Chắc ông Sáu còn nhớ tích xưa, trong một

ngày hội lớn mọi người đua nhau dâng đèn lớn, đèn nhỏ cúng Phật. Một trận gió thổi qua, đèn đuốc thi nhau tắt, chỉ còn ngọn đèn nhỏ xú của bà già ăn xin. Lửa theo gió càng lên cao. Những kẻ có lòng thành xin hãy đừng sợ sệt, đừng nghi ngờ.

Chùa nhỏ nên sư Mẫn và ông Sáu trải chiếu ngồi xếp bằng tròn ngay giữa chánh điện đàm đạo, uống trà. Buổi sáng trong lành, chỉ có tiếng gió lao xao hàng xoài và giọng trầm ấm của Sư, mặc dù Sư nói rất nhẹ nhàng, chậm rãi. Những điều Sư nói, bà Sáu với cô Hà không lạ gì. Hai người thường đi chùa này, chùa nọ, nghe được ít nhiều lời Phật. Nhưng hai người vẫn lắng nghe, trong khi tay vẫn lo bột lửa, tay khuấy nồi chè khoai, bấp hai món nấu chung.

Xóm nghèo ở góc núi hiu quạnh, người bước chân ra ruộng làm cỏ lúa, trở về lại chui vào nhà. Cuộc đời nghèo quanh quẩn không đi đâu ra khỏi thị trấn. Người ta thích Sư ở chỗ Sư không thuyết giảng kinh điển cao xa mà chỉ giúp người qua đời thấy được đạo, qua đạo càng hiểu thêm việc đời.

Ông Sáu thợ mộc mực meo cây ván rất rành nhưng một chữ cấn đôi cũng không biết. Gia đình đông con, làm đủ nghề mới có cái bỏ vô miệng. Cuộc sống xóm nghèo trần trụi như đá bắn rơi khỏi núi, sắp lại vào đống cũng lổm ngổm, lênh nghênh. Dưới nắng trưa lắc rắc đá nứt kêu lách tách. Có ai thấy đá khóc? Đó là lúc giữa khuya về sáng, đá mềm lòng thấm lạnh sương khuya.

Nghèo đói dễ dẫn đến mê muội. Đôi khi ông Sáu sợ quỳnh lên trước những lời sấm truyền, giấc ngủ đầy mộng mị về năm 2000. “*Đừng sợ, những ai có lòng thành đừng sợ.*” Lời nói của Sư đã trấn an ông Sáu. Và ông mạnh dạn, bình tĩnh như lúc chấp tay đứng trước tượng Phật trang nghiêm, thanh tịnh... Đặt ly trà xuống bàn, ông nhẹ nhàng ra sân đứng ngắm hồ trong cảm xúc chân thật. Búp sen chỉ khế hé to hơn lúc sáng một chút. Thời gian như trôi thật chậm. Cũng thời gian ấy, nhiều người lại cho là qua nhanh, phải tính toán từng giây một... Ông Sáu khẽ gọi Tâm Minh:

- Thôi mình vào tiếp tay với mấy bà, mấy cô, đừng để mấy bà dọn sẵn cho mình ăn nghe con.

Hai người vào chùa thì thấy các thứ đã dọn ra mâm. Tâm Minh chỉ còn việc bưng sắp lên bàn, thay nước cúng và thấp nhang lạy Phật. Tâm Minh lui cui bên lu nước mưa trong vát chỉ dành riêng cho việc cúng kiến. Bất giác, Tâm Minh quay nhìn về phía hồ kêu lên: “Sen nở rồi!”

Tâm Minh thoáng chút ngỡ ngàng, nhưng rồi chú cũng vui lên. Vẻ đẹp của bông sen gọi mời chú. Từng cánh hoa sen xoè ra từ lúc nào, vươn mình ra đón ánh nắng mai. Mặt hồ như ngủ yên sau lớp lá sen xanh vút choàng tỉnh dậy, tươi tắn lên, trong lành.

IV.

 Năm 16 tuổi, Tâm Minh được thầy cho phép xuất gia chính thức. Đây là ngày đầu tiên của vị sư nhỏ sau sáu năm ở chùa. Trong sáu năm đó, cánh chim con lẻ có nhiều đêm trần trọc, có những tối như ngủ quên, ngỡ như bị bỏ quên trên đường nhỏ xóm núi. Người ta có thể nhớ về những kỷ niệm vu vơ, nhưng không ai sống mà như lùi về dĩ vãng. Cuối cùng, cuốn sách cũng được lật qua trang

mới. Trong những kỷ niệm nhẹ nhàng sâu sắc, có buổi sáng bên hồ sen năm đó. Dù chú không chứng kiến được giây phút hoa sen run run xòe cánh, nhưng Tâm Minh không bao giờ quên lời dạy của sư phụ, vừa dành cho chú mà cũng là cho bà Sáu, người hay hỏi han việc này việc kia nhiều hơn người khác:

- Hoa sen đang nở cũng ví như cái ngày nào đó mà người ta thường nói. Cánh hoa đang nở dần theo từng phút giây, nhưng thường thì ta không dễ dàng nhìn thấy. Và khi vừa quay mặt đi thì sen đã nở xòe ra rồi. Cảnh hoa vẫn tiếp tục sống động trong từng *sát-na*, trong mỗi gương sen, những hạt sen vẫn đang cựa mình... Ta phải có cái nhìn mọi vật hằng sinh cũng như hằng diệt.

Sư phụ của Tâm Minh thường rút ra những bài học từ thực tế như vậy. Rồi sư đứng dậy, thông thả ra sân đứng nhìn xuống hồ. Trước khi về nhà, mọi người cùng bước tới bên hồ lặng lẽ ngắm những bông hoa mới nở tinh khiết, mùi hương thoang thoảng trong bầu không khí trong lành. Không ai nói với ai lời nào, cứ ngồi

yên lặng nghe thời gian đang chuyển động. Gió đưa lá dừa reo xào xạc trong gió.

Trước kia, mỗi khi sen trở hoa, Tâm Minh thường trông đến ngày lợi xuống hồ hái những gương sen nặng hạt. Giờ đây chú không còn nôn nao, hiếu động, không biết có phải vì chú đã bước qua tuổi mười sáu rồi chăng?

Chú bắt đầu bằng đôi mắt trầm tĩnh, nhìn mọi thứ chung quanh lung linh với những điều đơn giản nhất mà lại bí mật nhất. Đêm có giấc mơ đẹp và ngày có ánh sáng chan hòa!



Ở CÔI XA KIA VÀ TRÊN ĐẤT NÀY

I.

“Tiết tháng bảy mưa dầm, sùi sụt”

(thơ Nguyễn Du)

*H*àng năm, tháng bảy là mùa Vu Lan, mùa báo hiếu. Chúng ta cầu nguyện, tưởng nhớ đến hai bậc sinh thành đã khuất. Ở côi xa kia, các vị có gì vui? Chắc là không vui, vì nghiệp quả như sóng với nước không thể tách rời, cứ đuổi theo nhau. Và trong niềm hoài cảm lại chợt nhớ tới bao nhiêu người khác, vì lý do nào đó, trong bể khổ trần ai phải lang thang đầu đường xó chợ, xiêu lạc không mả, chẳng còn ai nhớ đến. Có thể kể đến những chiến sĩ hy sinh nơi trận mạc, tới nay vẫn chưa tìm được tông tích. Gọi chung hết thấy là *“Thập loại chúng sinh”*.

Mâm cúng cô hồn tháng bảy thật giản đơn nhưng bày tỏ tấm lòng, gồm cháo gạo nếp, khoai nấu, trái cây, mía cắt khúc, gạo, muối, nhất là không thiếu quần áo bằng giấy đủ màu xanh, vàng, đỏ. Trong khói hương đèn leo lét, hai cỏi âm dương như mở cửa giao nhau. Vui nhất là đám trẻ con, mỗi năm chúng như đợi ngày này. Người lớn cúng xong thường để cả mâm trái cây, mía cho chúng dành nhau. Có người còn chuẩn bị cả một ít tiền lẻ để ném ra cho lũ trẻ.

Tục lệ lâu đời khó lòng cắt nghĩa, nhưng qua các hình ảnh ghi nhận trong tháng bảy cũng có thể hiểu, tục lệ trong mùa *Vu-lan-bồn* nhằm giúp cho tâm hồn con người rộng mở ra với nhiều cỏi ngoài. Chính vì nó hay, nó tốt, nên nó mới tồn tại ăn sâu vào lòng người dân Việt. Xin đừng vội cho là mê tín dị đoan. Ngay cả những người không theo đạo Phật, chắc cũng thấy được ý nghĩa nào đó ở mùa Vu Lan. Tôi đã thấy rất nhiều người cũng bày mâm cúng giống như tín đồ Phật giáo.

Tháng bảy, tiết trời đầu thu, mưa gió réo rất buồn sao! Tháng bảy, trời đất như có điều gì đó

gây cho người niềm hoài cảm, gợi nhớ cả không gian, thời gian. Bao kỷ niệm thân thương từ đâu hiện về. “*Ngửa mặt lên trời kêu cha mẹ ơi đang ở đâu!*” Những kỷ niệm ra đi không bao giờ trở lại! Có lẽ cũng trong tâm trạng này mà ngài *Mục-kiền-liên* đã ra đi đến tận chốn âm cung để gặp mẹ mình. Và ngài thật may mắn hơn người khác ở chỗ là biết được mẹ của mình mắc phải tội lỗi gì. Vì thế, dù không tự mình cứu được mẹ, ngài cũng đã hết lòng khẩn khoản cầu xin đức Phật từ bi chỉ dạy pháp cứu rỗi. Và cuối cùng, nhờ sự chuyên tâm cầu nguyện của chính ngài và chư tăng mười phương, bà mẹ ngài mới được siêu thoát. Sự kiện ấy đã để lại cho chúng ta một tập tục tốt đẹp, mỗi năm đến rằm tháng bảy lại băng khuâng nhớ đến những bậc sinh thành, dù là còn sống hay đã mất.

Trong chúng ta, chắc chắn chẳng có ai muốn trở thành người con bất hiếu. Nhưng sự thật trong đời sống lại rất thường là “*Cha mẹ nuôi con biển trời lai láng, con nuôi cha mẹ tính tháng tính ngày*”. Biết bao người con đã lớn lên trong vòng tay cha mẹ nhưng lại rất vô tình

không nhớ đến, hoặc có nhớ đến cũng không có được một tấm lòng “*biển trời lai láng*” để đáp đền công ơn cha mẹ!

II.

 ái làm mòn mỗi tâm hồn chúng ta chính là không gian quen thuộc, những suy nghĩ, những thói quen. Chúng chìm người chết đuối trong sự quen thuộc ấy mà vẫn không hay biết, vẫn cho mình đã đầy đủ bốn phận! Vì vậy, có người thỉnh thoảng mua một món quà cho cha mẹ, hoặc đi chùa cầu nguyện cho cha mẹ *chỉ như việc tình cờ*. Tuy nhiên, cũng phải ghi nhận cái *việc tình cờ* ấy. Vì con người sống giữa vô minh, mấy khi được một giây phút loé sáng, vượt qua những thói quen của bản thân để tìm về với suối nguồn vi diệu?

Tấm lòng cha mẹ nuôi con như thế nào, có lẽ chúng ta không sao cảm nhận được hết. Nhưng chỉ bằng những hình ảnh đã được người đời ghi nhận, có lẽ cũng đã đủ để giúp chúng ta hiểu được phần nào cái mệnh mông không cùng tận và những ân tình vời vợi của công cha nghĩa mẹ.

Tình cờ tôi chợt nhớ đến bài ca dao “*Con cò ăn đêm*”. Tôi chấp tay thầm cảm ơn người đã nghĩ ra những câu ca dao tuyệt vời như thế này:

*Con cò mà đi ăn đêm,
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao.
Ông ơi, ông vớt tôi nao,
Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng.
Có xáo thì xáo nước trong,
Đừng xáo nước đục đau lòng cò con.*

Vì sao? Vì sao? Rõ ràng hình ảnh con cò đã nói hộ con người. Con vạc ăn đêm đã đành, vì sao con cò là loại ăn ngày mà phải lặn lội ban đêm? Chẳng qua là vì bấy con nhỏ đại đang cần sống. Đi kiếm ăn trong đêm tăm tối mà lại mang đôi cánh trắng, trước sau gì cũng rơi vào cạm bẫy của người giăng ra khắp nơi. Cất tiếng kêu “*Ông ơi, ông vớt tôi nao*” nghe đau xót biết bao! Nhưng kẻ đã rơi vào cạm bẫy, còn ai vớt, ai cứu? Cuối cùng, cò hiểu ra đành phải chấp nhận số phận. Thật là cao cả thay, đến lúc sa cơ thất thế cò vẫn nhớ đến con tha thiết, còn sợ đứa con buồn lòng hơn chính mình buồn. Cò khẩn thiết van xin:

*Có xáo thì xáo nước trong,
Đừng xáo nước đục đau lòng cò con!*

Rõ ràng đó là tình thương vô điều kiện của cha mẹ dành cho con cái. Ngoài việc lo lắng miếng ăn, giấc ngủ cho con, còn bao trùm cả việc lo lắng con có danh dự, phẩm giá, cho được hơn người. Không để con vì mình mà tủi hổ với đời.

Con cò sắp thiệt thân mà vẫn không lo cho mình, chỉ sợ cò con đau lòng vì mình phải xáo bằng nước đục... Có bao nhiêu con cò con hiểu được nỗi lòng ấy của cò mẹ? Trong ngày rằm tháng bảy, mong sao những lời cầu nguyện cho cha mẹ không chỉ là những lời cầu nguyện chung chung. Lòng hiếu của chúng ta tuy không sánh được với ngài *Mục-kiền-liên*, nhưng ít ra chúng ta cũng phải thấu hiểu được tấm lòng cha mẹ!

III.

*Đ*hước thay cho những ai còn đầy đủ cha mẹ, còn có dịp bày tỏ lòng hiếu thảo ngay trong lúc cha mẹ đang tại thế. Thử hình dung sự vui sướng của các bậc sinh thành khi được con cái lo lắng, chăm sóc. Niềm vui

sướng ấy thật hồn nhiên, mộc mạc đến nỗi có lắm người được con cho quà nhưng không chịu mở ra, cứ để nguyên mà nhìn ngắm mãi...

Bốn mùa xuân đứng đầu.

Trăm nét hiếu đứng đầu.

Chắc hẳn chúng ta ai cũng đồng ý rằng lòng hiếu thảo đối với cha mẹ trong lúc đang còn sống bao giờ cũng đáng quý hơn là đợi đến khi cha mẹ qua đời. Nhưng thế nào là hiếu thảo với cha mẹ? Người xưa cho rằng muốn báo hiếu thì trước phải sinh con nối dõi tông đường, sau là phụng dưỡng cha mẹ. Nhưng hầu hết các bậc cha mẹ ngày nay trong thâm tâm lại không vì những việc ấy, chỉ mong sao cho con mình được nên người hữu ích, được thành đạt hơn người. Người xưa nói: *“Hùm chết để da, người ta chết để tiếng.”* Cha mẹ chỉ mong con tạo được danh thơm tiếng tốt để lại cho đời, nên đây cũng là một cách báo hiếu của người làm con: sống thật tốt để mang đến niềm vui và danh dự cho cha mẹ. Những người làm con có thể dùng nhiều hình thức để báo đáp công ơn cha mẹ, nhưng không nên quên đi niềm mong ước đơn sơ này của các vị.

Đức Phật có dạy: “*Cha mẹ không làm cho con cái buồn tủi, con cái không để cho cha mẹ phải chịu nhục.*” Nghe qua có vẻ thật giản đơn, nhưng trong cuộc sống nếu chúng ta luôn biết nghĩ đến những điều này thì có lẽ sẽ chẳng bao giờ bị lôi cuốn vào những việc xấu xa tội lỗi. Lòng hiếu thảo với cha mẹ theo cách này sẽ bảo vệ chúng ta khỏi mọi cám dỗ trong đời sống. Và vì thế, chắc chắn là chúng ta sẽ có thể mang về những niềm vui trong sáng cho các vị, khiến các vị luôn hài lòng và hãnh diện vì đã sinh thành và nuôi dưỡng một đứa con ngoan.



I.

TRỞ

Trở về với ngày kỷ
niệm đức Phật đản

VỀ

sinh, có lẽ không gì bằng chấp tay thành kính nhìn lên lễ đài và suy ngẫm về ý nghĩa của ngày đại lễ này.

BÊN

PHẬT

Từ khi đức Phật ra đời và tìm ra chân lý, ngài đã luôn là ngọn gió mát lành an ủi mọi người.

ĐẢN

Chúng sinh vui mừng reo lên:
“*Vui thay Phật ra đời!*” Qua hình

SINH

ảnh của đức Phật, người ta tự tìm thấy con đường hướng thượng cho mình trong mối tương thông giữa người với người. Chính vì vậy, mỗi một giai đoạn hiện tại, quá khứ, tương lai đều có những vị Phật để đáp ứng nhu cầu tâm linh. Chúng ta quen cúi mình trước Phật như một con người hoàn thiện duy nhất!

Ngày Phật đản là ngày dành cho vị Phật sơ sinh bé nhỏ. Nhưng lúc hương hoa lễ vật được dâng lên, ta thường quên đi ý nghĩa sự hiện diện của vị Phật sơ sinh bé nhỏ kia. Ta không nhớ rằng vị Phật bé nhỏ kia cần ở ta điều gì... Ngài mới hồn nhiên xinh xắn làm sao! Mỗi bước chân đều có hoa sen nâng lấy gót chân. Một tay chỉ trời, một tay chỉ đất, ngài nói: “*Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn.*”

Có người cho rằng câu nói này là lời tán tụng của người sau, khi Phật đã trở thành bậc Đại giác, chứ đức Phật lúc sơ sinh làm sao nói được! Những người không tin vào tâm linh hoặc quá duy lý thì cho rằng cuộc đời này làm gì có ai là vĩ đại, độc tôn, siêu phàm một cách tuyệt đối! Lại nữa, hơn hai ngàn năm trăm năm trước, con người còn phải ngạc nhiên trước sự biến hóa của vũ trụ vô thường, còn tin rằng mọi cái không thể tự có, nhất nhất đều do bàn tay ông trời xếp đặt, thì làm gì có ai dám nói ra câu “*Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn*” ấy?

Nhưng câu “*Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn*” của vị Phật ngoan đồng quả thật đã

phủ nhận thần linh, phủ nhận “ông trời” để tôn vinh con người, đưa con người lên vị trí cao nhất. Điều đó thật mới mẻ biết bao! Hãy thử hình dung sự phản kháng của xã hội thời đó như thế nào trước một quan điểm như vậy, để rồi cuối cùng lại mừng vui chấp nhận! Phước cho những ai không chứng kiến mà vẫn được nghe biết. Cho nên, những người Phật tử đặt niềm tin ở Phật, vào ngày lễ Phật đản vẫn tiếp tục kể cho nhau câu chuyện đã được nghe từ thuở xa xưa. Thuở ấy, ngài đã hồn nhiên bước đi trên những đóa hoa sen, một tay chỉ trời, một tay chỉ đất, ngài nói: *“Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn.”*

II.

Tôi vẫn xem câu nói đầu tiên của đức Phật khi mới ra đời không phải là ẩn dụ hay tượng trưng, mà là báo trước sự nhiệm mầu, siêu phàm. Trước hết, đó là vì những người học Phật luôn suy tư về chân lý. Khởi đầu việc tìm kiếm chân lý chính là cuộc hành trình tìm kiếm, xác định bản thân, đâu

là tự tánh, bản lai, trước khi hiểu ra được cõi đời hữu hạn mà vô hạn, và ngược lại vô hạn có trong hữu hạn. Nói chung, *vô thường* có mặt ở mọi nơi. Cũng không phải dễ dàng nhận ra chân lý, mà phải trải qua bao lần lột xác trần trở. Qua bao giai đoạn ngạc nhiên, hoài nghi, tự vấn, đôi khi lại lầm lạc nữa. Con người cứ tiếp tục đi ra đi vào thăm thẳm một cõi tâm linh, và trong cuộc hành trình người ngạc nhiên khi bất ngờ khám phá - ngay cả các triết gia từ Đông sang Tây cũng đều ngạc nhiên - rằng chính trẻ con ngây thơ là suối nguồn của mọi suy tư, thắc mắc!

Nhận xét của trẻ con nhiều khi khiến cho người lớn phải ngẩn ngơ và thích thú. Ai cũng có thể dễ dàng tìm thấy những thí dụ. Như tôi có thằng cháu vừa lên ba, nó đã biết con rùa nhưng chưa biết con đồi mồi, lập tức nó gọi con đồi mồi là “*con rùa bông*”. Thằng bé đã sáng tạo ra ngôn ngữ một cách thú vị. Thời gian sau, tôi ngẫm nghĩ lại việc ấy và thấy rằng chính người lớn mới là những kẻ không nhận biết thực tại. Vì không nhận biết nên chúng ta ngày càng đi xa bản chất sự vật. Riêng với thằng bé, thế

giới chưa phân chia như mặt hồ chưa gợn sóng, nhận biết hiện tượng như thế nào cứ gọi tên y như thế ấy. Vì thế, từ sự nhận biết thực tại mà nó đã sáng tạo được cái tên gọi “*con rùa bông*”.

Có người nói tuổi thơ chính là thiên đường mà người lớn đã đánh mất. Nhà triết học người Đức *Karl Jaspers* kể cho chúng ta nghe một câu chuyện khác. Một đứa trẻ tâm sự: “Em thường nghĩ em là kẻ khác, nhưng em vẫn cứ là em.” Ban đầu, ông thấy câu nói ấy ngô nghê, nhưng sau ngẫm nghĩ mới thấy đó là một triết lý thâm trầm.

Trẻ con cũng linh cảm được mọi thứ. Có những thứ chúng không tự giải đáp được, nhưng trước hết chúng biết tự nhận thức về mình. Đã có nhận thức, tức là tánh Phật trong con người bé nhỏ ấy đã vận động. Ta đừng ngạc nhiên. Bao giờ ngày kỷ niệm Phật đản cũng được bắt đầu bằng câu chuyện: Đức Phật sơ sinh mỗi bước đi đều có hoa sen đỡ lấy gót chân, một tay chỉ trời, một tay chỉ đất, hồn nhiên nói: “*Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn.*”

III.

ở dĩ tôi dài dòng đôi chút là vì trở về với ngày lễ mừng đức Phật ra đời không gì sâu sắc bằng tìm thấy ý nghĩa của ngày lễ này. Có những khi ta ôm lấy một em bé để nựng nịu thương yêu, nhưng thường không nhận ra được rằng ta làm như thế là vì chính nhu cầu của ta, vì ta chứ không phải vì nhu cầu của em bé. Do đó mà em bé thường lấy làm khó chịu, đưa tay cố đẩy ta ra. Đức Phật sơ sinh bé nhỏ chẳng bao giờ làm thế. Ngài hồn nhiên đứng trên hoa sen, đưa tay chỉ trời, đưa tay chỉ đất mà nói: *“Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn.”* Nhưng chúng ta phải tự hiểu rằng, Phật còn muốn nói với ta một điều không thành lời: *“Còn con, con là ai?”* Lòng thành kính suy ngẫm ý nghĩa sâu sắc của ngày lễ kỷ niệm Phật đản là nhu cầu của ta, đừng quên còn có lời nhắn gửi của đức Phật từ bi. Vậy tại sao nhân ngày này chúng ta không nhìn lại chính bản thân mình: *“Ta là ai giữa cõi đời này?”* Có như vậy mới không phụ công ơn của đức Từ phụ xuất thế. Đừng tìm kiếm đức Phật mà không tự hỏi lòng mình...

NỤ CƯỜI CỦA THIÊN SƯ BỜM

I.

Trong kho tàng ca dao Việt Nam có bài “*Thằng Bờm*”. Rõ ràng người đời đã gọi Bờm là “*thằng*”. Nhưng riêng tôi, tôi cứ nghĩ ngày mai chưa biết rồi ai sẽ thế nào, hơn nữa Phật tánh có trong mỗi chúng sinh nên càng không dám xem thường. Và chẳng những thế, khi đọc bài ca dao tôi còn cảm thấy rằng Bờm chính là một vị thiên sư! Chắc sẽ có người cho rằng tôi có suy nghĩ méo mó, chủ quan gì đó... Nhưng với sự dè dặt cần thiết, thôi thì cứ trao đổi nơi đây một vài suy nghĩ, biết đâu lại chẳng có dịp học hỏi thêm?

Về hành trạng, thiên sư Bờm của tôi là một anh nông dân nghèo. Nói thẳng ra là chẳng có học hành gì! Tình trạng chung của xã hội thời

ấy, người nghèo chẳng ai mời đi dự đám tiệc. Có đến chùa nghe giảng kinh cũng chỉ đứng bên ngoài. Như ta đã biết, đạo Phật truyền vào nước ta hơn ngàn năm qua. Văn hóa Phật giáo đã thấm sâu trong lòng người Việt không biết từ lúc nào, được biểu hiện qua cách suy nghĩ, ứng xử, lối sống... Và vì thế mà có người vào chùa giác ngộ, và cũng có người ngoài đời, tuy không học nhưng do bản giác thanh tịnh mà được chứng ngộ nữa. Có lẽ đó là trường hợp thiền sư Bờm của tôi.

Câu chuyện về ngài bắt đầu từ một buổi trưa hè. Bờm cầm quạt mo đi chơi. Và người ta kể lại câu chuyện ấy qua bài ca dao:

*Thằng Bờm có cái quạt mo,
Phú ông xin đổi ba bò chín trâu.
Bờm rằng Bờm chẳng lấy trâu,
Phú ông xin đổi một xâu cá mè.
Bờm rằng Bờm chẳng lấy mè,
Phú ông xin đổi một bè gỗ lim.
Bờm rằng Bờm chẳng lấy lim,
Phú ông xin đổi con chim đồi mồi.
Bờm rằng Bờm chẳng lấy mồi,
Phú ông xin đổi nắm xôi... Bờm cười.*

Câu chuyện của thiền sư Bôm là như vậy, và công án của thiền sư là ở chỗ nụ cười. Đạo Phật có rất nhiều nụ cười, ở đây lại thêm nụ cười bí ẩn, thâm thâm diệu diệu của Bôm. Thông thường, vì không hiểu nhau nên hay vu oan cho nhau - kiểu bi kịch rất thường gặp ở những bậc vĩ nhân. Nào cho là Bôm ngu dốt, quạt mo đáng giá bao nhiêu mà không chịu đổi... Cũng có người lại cho là Bôm có chút thông minh, biết phú ông giàu có kia đang cố lừa gạt mình nên tránh được, nhưng cuối cùng vẫn cứ rơi vào chỗ thực dụng, vì không thắng nổi chính mình nên chịu nhận lấy nắm xôi... rồi cười!

Có phải vậy không? Nụ cười của Bôm quả là nụ cười của thiền sư, vì trở thành câu hỏi cho nhiều người. Hãy thử hình dung vào buổi trưa hè ấy, ngài cầm quạt mo, cử chỉ ung dung tự tại, an lạc...

II.

*Đ*ột người cha giàu có dẫn đứa con về một vùng quê nghèo khó, nghĩ rằng đó sẽ là bài học thực tế có ích cho con mình. Trên đường về, người cha hỏi:

- Con thấy chuyển đi như thế nào?
- Thật là tuyệt vời, thưa cha.
- Con đã thấy người nghèo sống như thế nào. Vậy con rút ra được bài học gì?

Đứa con nói ngay không ngần ngại:

- Vâng, con thấy nhà ta chỉ có một con chó, họ có đến ba, bốn con, nhiều hơn ta. Nhà ta có hồ bơi dài rộng, nhưng họ có con sông dài hơn, rộng hơn. Nhà ta có quạt máy, nhưng vẫn không được mát mẻ bằng họ!

Đứa con đã nhìn thấy nơi người nghèo những thứ mà nhà nó không có. Trường hợp của phú ông khi gặp Bờm cũng vậy. Cái quạt mo của thiền sư Bờm tượng trưng cho giá trị tinh thần, nên có thể nói phú ông cũng là người có chút thiện tâm.

Nhưng thiền sư Bờm vẫn im lặng, trả vấn đề trao đổi về cho phú ông. Phú ông tiếp tục đưa ra chuyện trao đổi vu vơ, nhưng đã hạ dần giá trị trao đổi từ cao xuống thấp, cho đến khi chỉ còn là một nắm xôi! Đây là quá trình đi tìm giá trị

tương đương của sự vật. Vật nào có giá trị của vật đó. *Người đi tìm vật mà vật cũng hằng đợi người.* Ý nghĩa đích thực là phú ông ngày càng đạt đến gần chỗ cứu cánh, nhưng thiền sư Bôm vẫn cười một cách bí ẩn...

Nụ cười của Bôm gây ra bao dấu hỏi. Người ta cho rằng Bôm đã nhận lấy nắm xôi. Nhưng ở đây thật ra không thấy nói điều đó, mà chỉ nói là Bôm cười. Chẳng thấy đức Phật, các vị cao tăng đắc đạo, nét mặt luôn hoan hỉ, lúc nào cũng cười đó sao?

Nụ cười của thiền sư Bôm ở đây mang ý nghĩa gì, xin nhường lại cho mỗi người tự suy ngẫm. Về phần tôi, thuở nhỏ vào những buổi trưa hè gió luồn cửa trước vườn sau, thường nghe mẹ hát ru em bài ca dao “*Thằng Bôm*”. Tôi nhớ lúc ấy tôi cũng cười với Bôm, nhưng đó là nụ cười ngây ngô. Lớn lên, nhìn thấy nhiều cảnh đời ngang trái rồi nhớ lại bài ca dao, tôi cũng tiếp tục cười nhưng vẫn chưa biết mình cười gì.

Cho đến lúc bắt đầu đọc sách Phật, tình cờ tôi bắt gặp lời Phật dạy: “Người đời có ba thứ lửa. Thứ nhất là lửa ngoài đường, đừng đem vô

nhà bị cháy vạ lây. Thứ hai là lửa trong nhà, đừng đem ra đường cháy nhà hàng xóm. Thứ ba là lửa chân tâm hằng thấp sáng...” Tôi nhớ đại ý như vậy, nhưng không nhớ chính xác trong kinh nào... Phải chăng lửa chân tâm hằng thấp sáng để giúp ta luôn vững vàng trước dục vọng? Thực tại vừa rất thực lại vừa huyền mộng chính là lời giải mã nụ cười của thiền sư Bòm, chẳng những cho phú ông mà cũng là cho tất cả chúng ta!



NGƯỜI NGHÈO NGƯỜI GIÀU

I.

*B*uổi chiều cuối năm qua đi lúc nào không hay. Phố xá dần lên đèn. Ngoài đường người và xe cộ xuôi ngược như dòng nước chảy, rộn rịp tất bật bao nhiêu thì xóm nhà trong ngõ hẻm ngược lại im lìm, vắng lặng bấy nhiêu. Có vẻ như con ngõ đang lắng nghe mùa xuân nhích về gần. Những âm thanh như tiếng gió chuyển mùa rì rào qua hàng dừa lá phe phẩy, tiếng nhạc mừng Tết phát rả rả từ máy thu thanh của mỗi nhà... và bao trùm lên tất cả là tiếng trống múa lân các từng chinh từ ngoài phố vọng về. Những âm thanh làm nao nao lòng người. Chỉ còn vài tiếng đồng hồ nữa thôi, năm cũ sẽ qua đi. Năm mới mang bao điều tốt đẹp, an lạc và tươi sáng đến.

Bất ngờ, từ trong một mái lá lụp xụp nghe vang lên tiếng gọi:

- Thằng Thanh đâu, chạy đi mua hai ngàn đồng dầu lửa về châm đèn, châm bếp dầu nấu nước cúng ông bà, cúng Phật coi.

Một tiếng dạ khẽ cũng từ trong mái lá rồi chìm lỉm trong những tiếng động mùa xuân.

Mãi gần đến giờ giao thừa mới mua dầu, mà hai ngàn thì mua được bao nhiêu? Thằng bé xăng xái xách chai chạy vụt đi... Rồi có lẽ nó gặp đám múa lân nên mê mải chen chân vào coi, hay là ghé vô sòng bầu cua ở ngoài đầu xóm... Chỉ biết thật lâu mới thấy thằng bé chạy về, rụt rè: “Ngoại ơi, con làm rớt mất tiền rồi.”

Trong nhà lặng im không có tiếng trả lời. Tình cờ chúng kiến sự việc, tôi ngẩn ngơ đứng lặng yên bên vách lá. Hóa ra năm nào chính quyền đoàn thể cũng đều có quà cho đồng bào nghèo vui xuân nhưng vì người đông nên không khỏi bỏ sót nhiều trường hợp. Nhất là ở mái tranh nghèo này, mấy bà cháu dưới quê lên không có

hộ khẩu, anh con trai đi lưới cá biển chưa về kịp...

Tôi bùi ngùi chợt nhớ lại một câu chuyện trong kinh Phật. Vào một ngày hội lớn, người ta dâng lên cúng dường đức Phật vô số những ngọn đèn rực rỡ, lẫn trong đó có một ngọn đèn bé nhỏ của bà già nghèo khổ đã vét hết cả những đồng xu cuối cùng để mua dầu cúng Phật. Một trận gió từ cõi trời lạnh thien lướt qua, những ngọn đèn thi nhau tắt sạch, chỉ còn lại ngọn đèn bé nhỏ của bà già ấy. Lạ thay, khi gió ấy thổi tới vẫn không tắt mà lại càng sáng rực lên...

Tôi chợt nghĩ ra một điều, dường như ý nghĩa của mùa xuân không chỉ nằm trong của cải vật chất, mà còn nằm ở phần tinh thần. Xuân về, không thể nói nhà giàu vui hơn, nhà nghèo kém vui hơn. Người đời có lúc nghèo, lúc giàu, cũng như hoa có lúc nở, lúc tàn; nhưng niềm vui chẳng phân biệt giàu nghèo kia mới chính là tâm xuân không bao giờ mất. Nhờ có tâm xuân, cuộc sống con người mới tồn tại, xã hội mới duy trì được mãi bao niềm hy vọng.

Câu chuyện xảy ra cách đây đã mấy năm. Khi ấy, tôi chẳng mang theo tiền nên liền chạy ngay về nhà nói với vợ mua cho bà lão một gói quà với chút ít tiền. Chỉ là một chút tấm lòng, có lẽ cũng không giúp được gì nhiều. Nhưng đôi khi tôi chợt nghĩ, đức Phật từ bi chắc cũng không ngồi yên khi cuộc đời còn biết bao cảnh khổ. Vậy những người học Phật như chúng ta lẽ nào lại không biết góp chút phần nhỏ nhoi của chính mình để làm vơi bớt đi những nỗi khổ đang đè nặng lên bao cảnh đời nghèo khó?

II.

*N*gười giàu và người nghèo luôn có những cảnh sống rất khác biệt nhau. Vì vậy, nếu không có sự suy ngẫm thì rất dễ rơi vào chỗ không cảm thông được nhau. Có người nói rằng cảnh nghèo cũng có chỗ sướng, không phải lo lắng ôm giữ của cải, trong khi người giàu lo nhiều khổ thân rồi chết đi cũng chẳng mang theo gì... Có người lại cho

rằng nghèo hay giàu cũng đều có những nỗi khổ riêng, chẳng có ai là sung sướng giữa cuộc đời này. Thật ra, sự khác biệt giữa người giàu, người nghèo vẫn là có thật, còn việc ai sướng ai khổ thì cũng còn tùy theo cách sống, cách nghĩ của mỗi người...

Nếu như người giàu biết sống tốt, họ sẽ thường suy ngẫm để thấy rằng mình thuộc phần thiểu số trong cộng đồng nhưng lại may mắn được hưởng phần bánh của xã hội lớn hơn, trong khi người nghèo chiếm phần đa số nhưng chỉ nhận được phần chia còm cõi, những bữa ăn thiếu dinh dưỡng, con cái không được giáo dục tốt... Những suy nghĩ ấy sẽ giúp họ có được sự cảm thông và nhích lại gần hơn với những người nghèo. Và tất nhiên là họ sẽ biết làm một điều gì đó để giảm bớt khoảng cách giữa hai bên.

Người nghèo quá dễ sinh ra hèn hạ, không có đức tin, phỉ báng tất cả. Nghèo khó dễ đưa đẩy con người vào đường xấu, vì sự thiếu thốn những nhu cầu thiết yếu. Người học Phật biết rằng tất cả đều là do duyên nghiệp, gieo nhân phải gặt quả. Nhưng trong nghiệp báo không

chỉ có những điều riêng mỗi người gánh chịu (*biệt nghiệp*) mà còn có cả những điều mà cả một cộng đồng, một tập thể hay một gia đình phải cùng nhau gánh chịu (*cộng nghiệp*).

Sự thật là không ai có thể tự mình tồn tại một cách độc lập, không phụ thuộc người khác. Tất cả đều có một sự liên quan mật thiết với nhau. Thu nhập của mỗi người đều có liên quan đến mọi người khác. Người vượt lên giàu có cũng không phải chỉ riêng nhờ nỗ lực của bản thân, mà còn có sự giúp đỡ trực tiếp và gián tiếp của bao người khác. Kẻ sa sút nghèo khó cũng không chỉ riêng do những thất bại của bản thân, mà nguyên nhân còn có sự tác động trực tiếp và gián tiếp của rất nhiều người khác.

Vì thế, chúng ta nên có một cách nhìn rộng mở hơn để thấy rằng những mảnh đời nghèo khó và cả những tệ nạn xã hội nảy sinh từ sự nghèo khó ít nhiều đều có phần trách nhiệm trực tiếp hay gián tiếp của toàn xã hội. Trong một xã hội, nếu mỗi người đều làm thật tốt phần việc của mình và biết quan tâm giúp đỡ người khác, chắc chắn sẽ không bao giờ tồn tại sự nghèo khó.

Khi ta mở lòng ra để đến với người nghèo và chia sẻ những khó khăn của họ, đó là ta đang đến với toàn thể cuộc đời, ta đang đến với chính ta! “*Thương người như thể thương thân*”, lời người xưa đơn sơ mà sâu sắc. Đại nguyện của chư Phật và Bồ Tát bao giờ cũng là sự cứu khổ cho tất cả thế gian, không phân biệt sang hèn, tốt xấu. Chẳng phải tình cờ mà thế giới ngày nay đặt vấn đề chống đói nghèo lên hàng đầu.

Khi ta thật lòng yêu thương, ta sẽ nghĩ ra được những phương cách khéo léo và tinh tế để có thể giúp đỡ người khác ngay cả khi bản thân ta đang còn khó khăn. Tôi chợt nhớ đến mẹ tôi như là một ví dụ rất điển hình cho nhận xét này. Mỗi lần thổi cơm, mẹ luôn bốc một vài nắm gạo cho vào cái hũ để ở góc bếp. Đi chợ về còn ít tiền xu, mẹ bỏ vào một cái hộp. Mẹ giải thích rằng, bớt đi một vài nắm gạo, bữa ăn của cả nhà cũng không đến nỗi thiếu, nhưng có cái để dành mà cho người cơ nhỡ, lỡ đường. Nếu không làm vậy, muốn giúp đỡ người cũng khó, vì nhiều khi muốn giúp lại không sẵn có gạo tiền. Vậy nên mẹ tôi dạy rằng việc bỏ gạo vô hũ chính là tích âm đức,

là làm phước. Mẹ còn dạy, khi đi ra đường nên mang theo ít tiền lẻ trong túi để phòng khi cần giúp đỡ người khốn khó. Hôm ở trong ngõ hẻm, đứng bên ngôi nhà nghèo nàn của hai bà cháu với cái túi trống rỗng, bỗng dưng tôi cảm thấy xấu hổ khi nhớ lại lời mẹ dạy ngày nào!



I.

Chỉ còn món cơm chiên
nữa là hoàn tất bữa ăn
chuẩn bị cho hai chú cháu Bà-la-
Môn Sonadanda và Angaka . Mặt
trời ngả bóng nghiêng qua vườn xoài.
Chiều dần qua. Hai người đi đến chỗ
đức Thế Tôn nghe gì vẫn chưa về.

Nàng Sophi lững thững bước ra
vườn. Khu vườn rộng hàng mẫu đất,
cỏ cây sum suê tốt tươi, lối đi trải đá
dọc theo những hồ nước trong, hoa
sen đủ màu. Tất cả được cha của
Sophi lập ra dành cho hai tôn giả
Bà-la-Môn.

Sophi nhìn xuống hồ sen, nhìn nước lung linh
phản chiếu gương mặt mình. Nàng biết mình
đẹp. Về hai chú cháu *Sonadanda* và *Angaka*,
hai người hoàn toàn xứng đáng hưởng được
ân sủng chúng *Bà-la-môn* dâng lên. Xứ Ấn Độ
nhiều thành phần giai cấp phức tạp đâu phải
ai cũng có được năm đức tánh để trở thành tôn
giả *Bà-la-môn* được chúng tôn kính? Năm đức

N

H

A

N

S

Ắ

C

tánh ấy là: huyết thống thanh tịnh bảy đời, có nhan sắc tươi đẹp, thông hiểu 3 tập Vệ-đà và chú thuật, có giới hạnh đầy đủ và có trí tuệ sáng suốt. Vì vậy, các tôn giả *Bà-la-môn* người nào cũng đẹp trai, nhất là chàng thanh niên *Angaka* khôi ngô tuấn tú có khuôn mặt sáng như vàng trắng, nước da trắng ngần.

Sophi lại nhìn bóng mình dưới mặt nước lung linh. Bỗng dưng *Sophi* tự cảm thấy e thẹn về sự so sánh giữa mình với *Angaka*. Chắc là mọi người đều biết những tình cảm, sự chăm sóc của *Sophi* dành cho *Angaka*. Cha của *Sophi* chắc cũng biết. Sự giàu có của ông sẽ mang đến mọi thứ cho con. Khi *Bà-la-môn* không còn được hưởng sự lợi dưỡng từ dân chúng thì đã có *Sophi*. Khu vườn này sẽ là vườn địa đàng cho hai người.

Mặt trời từ từ chiếu xiên rồi ngã dài xuống đất, hắt hiu vài tia nắng cuối cùng. Sương mù, rồi bóng đêm từ từ dâng lên. *Sophi* sốt ruột, đi ra đi vô cho đến khi *Sonadanda* cùng các chúng *Bà-la-môn* xuất hiện ở cổng.

Sophi mừng rỡ chạy ra. Nhiều người hợp thành một đoàn đi yết kiến đức Thế Tôn trở về,

nhưng *Sophi* chỉ hỏi *Bà-la-môn Angaka*. Nhưng *Angaka* đâu? *Bà-la-môn Sonadanda* và mọi người chẳng những nói không biết, mà sắc mặt họ còn có vẻ trầm tư khác với lúc ra đi. Linh tính báo cho *Sophi* biết việc này liên quan đến việc mọi người đến gặp *Sa-môn Gotama*. Người đã dạy điều gì khiến cho mọi cái quen thuộc hằng ngày bỗng dưng đổi khác?

II.

*R*hi đức Thế Tôn còn tại thế, để giáo hóa những người ngoại đạo, ngài thường có những cuộc đối thoại để chỉ rõ chân lý. Đức Thế Tôn thường không tranh luận theo cách bảo vệ luận điểm của mình, mà thường chỉ đưa ra những câu hỏi có tính cách gợi ý và dẫn dắt sự suy luận của đối phương, từ đó giúp họ tự nhận ra chân lý.

Câu chuyện mà chúng ta đang nhắc đến đã xảy ra ở xứ Anga, thành *Campā*, vào lúc đức Thế Tôn cùng đoàn *tỳ-kheo* khoảng 500 vị du hành qua đây. Những người ở đây chưa ai được nhìn thấy đức Thế Tôn, nhưng tiếng đồn về ngài đã lan truyền ra khắp nơi, rằng ngài là bậc Chánh

đẳng, Chánh giác, là bậc có tri thức vượt trên tất cả, đã tự mình chứng ngộ và thuyết giảng cho mọi người khác đều được chứng ngộ. Ngài thuyết giảng đủ mọi điều lành và hoàn toàn xứng đáng được tất cả mọi người tìm đến chiêm ngưỡng, kính trọng.

Nghe tiếng đồn như thế, rất nhiều đồ chúng *Bà-la-môn* liền lũ lượt kéo nhau tìm đến chỗ đức Thế Tôn đang ngụ để chiêm ngưỡng, kính lễ. Nhưng khi tôn giả *Sonadanda* và *Angaka* cũng chuẩn bị đi đến chỗ đức Thế Tôn thì có khoảng 500 đồ chúng *Bà-la-môn* cùng đến ngăn cản:

- Hai tôn giả không nên đi đến đó, hãy để chúng tôi đi.

- Vì sao?

- Vì hai tôn giả là bậc trưởng thượng đệ nhất, đệ nhị. Tôn giả *Sonadanda* lớn tuổi hơn *Sa-môn Gotama*. *Bà-la-môn* lớn mạnh đi đến đó danh tiếng sẽ hao tổn, ngược lại danh tiếng *Sa-môn Gotama* sẽ được lớn thêm. Đây là đất của *Bà-la-môn* không thể để việc như vậy xảy ra. Giữa hai bậc tôn sư với nhau thì chẳng có gì, nhưng với chúng đệ tử sẽ xảy ra nhiều chuyện không tốt.

Bà-la-môn Sonadanda hỏi đồ chúng:

- Một người tuy còn trẻ nhưng thông minh, có trí huệ, chẳng lẽ không xứng đáng cho một người lớn tuổi hơn đến thăm viếng, trò chuyện hay sao?

Chúng *Bà-la-môn* không đáp được, nhưng vẫn không bằng lòng nên *Sonadanda* tiếp tục hỏi:

- Có phải cha mẹ của *Sa-môn Gotama* là bậc đế vương, huyết thống trong sạch thanh tịnh bảy đời như chúng ta không? Có phải *Sa-môn Gotama* khi xuất gia đã từ bỏ hết cung vàng điện ngọc và tất cả mọi thứ trân bảo quý giá hay không? Có phải *Sa-môn Gotama* tuy còn trẻ nhưng nói năng thông suốt làm đẹp lòng người hay không? Có phải không ai giữ tròn giới hạnh và có đầy đủ thiện đức bằng *Sa-môn Gotama* hay không? Có phải *Sa-môn Gotama* đã diệt trừ được hết tham dục, diệt hết mọi phiền não trói buộc? Nay các vị, *Sa-môn Gotama* dạy về hành vi và nghiệp báo, rất có thiện chí khi đối thoại với chúng *Bà-la-môn* của ta. Như vậy không đáng để chúng ta tìm đến viếng thăm và trò chuyện hay sao?

Đến lượt chàng trai trẻ *Bà-la-môn Angaka* tiếp lời thầy, cũng là người chú của mình:

- Hiện nay *Sa-môn Gotama* đang ở trên đất của chúng ta, nghĩa là khách của ta. Đã là khách thì phải được kính trọng. Tại sao ta không đến thăm để tìm sự thân thiện, để được nghe những lời tao nhã, chân thực, thẳng thắn?

Đồ chúng *Bà-la-môn* nghe hai người thuyết phục thì đồng ý, không ngăn cản nữa. Họ lặng lẽ theo sau *Bà-la-môn Sonadanda* và *Angaka* đi đến bên bờ hồ *Gaggara* ở thành *Campā*. Khi ấy, đức Thế Tôn đang ngồi giữa đại chúng *tỳ-kheo*. Ngài biết hết mọi chuyện vừa xảy ra giữa những người *Bà-la-môn*.

III.

 àng đi gần đến chỗ Phật, tâm trí của *Bà-la-môn Sonadanda* càng khởi lên sự lo lắng. Dù sao ông cũng là một bậc tôn sư, cần phải giữ gìn uy tín với đồ chúng. Phải đặt câu hỏi với *Sa-môn Gotama* như thế nào đây? Nếu sau khi hỏi mà *Sa-môn Gotama* lại nói rằng “*Này, không nên hỏi như vậy*”, thì

đồ chúng sẽ nghĩ về ta như thế nào? Chắc rằng họ sẽ nghĩ “*Vị Bà-la-môn này ngu si, bất tài, không thể đặt một câu hỏi cho chín chắn.*” Danh tiếng ta sẽ bị giảm bớt. Mà danh tiếng giảm bớt thì dân chúng sẽ giảm bớt sự cúng dường. Tâm trí *Bà-la-môn Sonadanda* đè nặng bởi những suy tư lo lắng như thế.

Đến nơi, sau khi chào hỏi giới thiệu tên tuổi và dòng họ, *Bà-la-môn Sonadanda* lặng yên ngồi xuống, chưa biết mở đầu câu chuyện như thế nào. Đức Thế Tôn thấu hiểu sự lo lắng trong lòng ông, liền tùy thuận đặt vấn đề bằng cách hỏi một câu thuộc về ba cuốn *Vệ-đà* để ông có thể yên tâm trả lời:

- *Này Bà-la-môn*, cần có bao nhiêu đức tánh để trở thành một *Bà-la-môn* chân chánh mà không phải là lời nói dối?

Bà-la-môn Sonadanda nghe hỏi mừng rỡ, vì biết là mình có thể trả lời thỏa đáng. Ông lập tức ngồi thẳng lưng và đáp:

- Thưa Tôn giả *Gotama*, để trở thành một *Bà-la-môn* chân chánh cần phải có năm đức tánh. Đó là: huyết thống thanh tịnh bảy đời, có

nhân sắc tươi đẹp, thông hiểu ba tập Vệ-đà và chú thuật, có giới hạnh đầy đủ và có trí tuệ sáng suốt.

- Nay *Bà-la-môn Sonadanda*, trong số năm đức tánh ấy, có thể nào bỏ bớt đi một mà vẫn là *Bà-la-môn* chân chánh?

- Thưa Tôn giả *Gotama*, có thể được. Có thể bỏ nhân sắc tươi đẹp đi, vì nếu huyết thống trong sạch, thanh tịnh thì không cần đến nhân sắc. Nhân sắc cũng không cần khi người ấy thông hiểu 3 tập Vệ-đà và có đầy đủ giới hạnh.

- Nay *Bà-la-môn Sonadanda*, trong bốn đức tánh ấy, có thể nào bỏ bớt đi một mà vẫn là *Bà-la-môn* chân chánh?

- Thưa Tôn giả *Gotama*, cũng có thể được. Có thể bỏ đi sự tinh thông chú thuật, vì chú thuật chẳng làm được gì khi vị *Bà-la-môn* có huyết thống thanh tịnh, có giới hạnh và trí tuệ.

- Nay *Bà-la-môn Sonadanda*, trong ba đức tánh ấy có thể nào bỏ đi một, chỉ còn hai thôi?

Bà-la-môn Sonadanda như bị *Sa-môn Gotama* dồn tới chân tường. Nếu không trả lời

được thì bị đồ chúng chê cười, còn nếu trả lời sẽ phải đi ngược với những gì thuộc về truyền thống *Bà-la-môn*.

Nhưng chân lý không có giới hạn cho những ai khao khát. *Bà-la-môn Sonadanda* suy nghĩ về câu hỏi của đức Phật và chợt tự mình nhận ra sự thật, cho dù sự thật đó xưa nay chưa có một vị *Bà-la-môn* nào dám nói lên với ông:

- Thưa Tôn giả *Gotama*, huyết thống trong sạch bảy đời cũng sẽ không có giá trị gì nếu không có giới hạnh đầy đủ và trí tuệ sáng suốt.

Đức Thế Tôn tán thán:

- Lành thay, tôn giả *Sonadanda*!

Khi ấy, đồ chúng *Bà-la-môn* nhao nhao lên phản đối:

- Này Tôn giả *Sonadanda*, xin đừng nói vậy. Cho dù ông có thể khinh bác nhan sắc, khinh bác chú thuật, nhưng nếu ông coi thường cả huyết thống nữa thì còn gì là *Bà-la-môn*? Phải chăng ông đã ngã theo quan niệm của *Sa-môn Gotama* rồi?

Đức Thế Tôn chậm rãi lên tiếng trước đám đông:

- Nếu như các người nghĩ rằng *Bà-la-môn Sonadanda* không phải là bậc đa văn, không phải là nhà hùng biện giỏi, không thể biện luận với ta về vấn đề này, thì *Bà-la-môn Sonadanda* hãy đứng yên lặng và các người hãy biện luận với ta. Còn nếu các người nghĩ rằng *Bà-la-môn Sonadanda* là bậc đa văn, là nhà hùng biện giỏi, có thể biện luận với ta về vấn đề này, thì các người hãy đứng yên lặng và để *Bà-la-môn Sonadanda* biện luận với ta.

Khi nghe nói vậy, *Bà-la-môn Sonadanda* vội vã đứng lên:

- Thưa Tôn giả *Gotama*, xin hãy đứng yên lặng, hãy để tôi trả lời với đồ chúng *Bà-la-môn* theo đúng chánh pháp.

Rồi ông quay sang đám đông các *Bà-la-môn*:

- Nay các vị, xin đừng nói rằng tôi khinh bác nhan sắc, khinh bác chú thuật, coi thường cả huyết thống và ngả theo quan niệm của *Sa-môn*

Gotama. Này các vị, tôi thật không có những điều ấy!

Bấy giờ, thanh niên *Bà-la-môn Angaka* cũng đang ngồi trong hội chúng. Bất ngờ, *Sonadanda* chỉ tay vào *Angaka*:

- Này các hiền giả, các vị có nhìn thấy cháu tôi, thanh niên *Bà-la-môn Angaka* này hay không?

- Tôn giả *Sonadanda*, chúng tôi có nhìn thấy. Nhưng điều đó có ý nghĩa gì?

- Này các vị, thanh niên *Angaka* này đẹp trai, khôi ngô tuấn tú, tinh thông *Vệ-đà* và chú thuật, có huyết thống thanh tịnh đến bảy đời. Này các vị, nếu như thanh niên *Angaka* với các đức tánh như thế nhưng lại phạm vào các việc như nói dối, uống rượu, trộm cắp, dâm dục với vợ người khác; như vậy thì liệu các đức tánh kia có còn chút giá trị nào chăng?

Đồ chúng *Bà-la-môn* nghe nói đều quay đầu nhìn về phía *Angaka* khiến chàng thanh niên mắc cỡ nhìn xuống, mặt nóng bừng lên: “Vì sao

chú mình lại đem mình ra làm một thí dụ khó nghe đến thế? Trong khi chú là người đứng đầu, là đệ nhất trong đồ chúng, thì mình cũng là người kế thừa, là đệ nhị. Chẳng lẽ vì sự chăm sóc có phần đặc biệt của cô *Sophi* dành cho mình mà mọi người nghĩ rằng mình không được thanh tịnh?” Thật ra, từ lâu nay chàng thanh niên *Angaka* vẫn thấu hiểu tình cảm của *Sophi* đối với mình, nhưng chàng thật bối rối, không biết phải tránh né bằng cách nào để *Sophi* không phải rơi vào tuyệt vọng.

- Nay các vị, ta không khinh bác các đức tánh ấy, nhưng ta vừa nhận ra một sự thật là: nếu một người có đức độ cao dày nhờ giữ theo giới hạnh đầy đủ và có trí tuệ sáng suốt, người ấy vẫn có thể là một *Bà-la-môn* chân chánh mà không cần phải có đủ ba điều kia.

Đám đông các đồ chúng *Bà-la-môn* quay nhìn nhau, suy ngẫm về những lời vừa được nghe thấy từ chính miệng vị *Bà-la-môn* đáng kính của họ. Bầu không khí bỗng nhiên lắng dịu.

Đức Thế Tôn hoan hỉ khi thấy *Sodadanda* đã tự mình nhận thức đúng vấn đề. Ngài tiếp tục:

- Nay *Sodadanda*, còn lại hai đức tánh, có thể nào bỏ bớt đi một mà vẫn được xem là *Bà-la-môn* chân chánh hay không?

- Thưa Tôn giả *Gotama*, lần này thì không thể được!

- Đúng vậy, *Sodadanda*. Không còn có thể bỏ được điều nào nữa cả, vì nơi nào có giới hạnh, nơi đó có trí tuệ; nơi nào có trí tuệ, nơi đó có giới hạnh. Nguồn gốc của vấn đề là ở đây. Trí tuệ được giới hạnh làm cho thanh tịnh, và giới hạnh được trí tuệ làm cho thanh tịnh. Giới hạnh và trí tuệ được xem là tối thắng ở trên đời.

Nhưng thế nào là giới hạnh và thế nào là trí tuệ? Đức Thế Tôn chưa kịp giảng giải điều ấy thì trời đã xế chiều, đã đến giờ cầu nguyện buổi tối. Đồ chúng *Bà-la-môn* cần phải trở về cho kịp. Vì chưa được nghe đến chỗ ý nghĩa rất ráo, nên khi mọi người đi về được nửa đường, chàng thanh niên *Bà-la-môn Angaka* bỗng đi chậm dần lại, lùi về phía sau, và rồi một mình khuất dạng theo lối mòn rẽ vào trong rừng.

IV.

Suốt đêm, *Sophi* không ngủ. Cô nghiêng người lăn qua bên trái, bộ mặt khô ngô tuấn tú của *Bà-la-môn Angaka* hiện lên. *Sophi* nghiêng sang bên phải, vẫn là gương mặt ấy. Ghét nhau mà sống chung một nhà, thương nhau mà phải xa nhau đều là khổ, thuộc về nhóm Sự thật thứ nhất. *Sa-môn Gotama* dạy như thế!

Qua ngày hôm sau, *Bà-la-môn Angaka* vẫn chưa về. Bây giờ, chỉ cần một con chim bay ngang qua vườn, con sóc chạy qua gây tiếng động sột soạt, *Sophi* cũng tưởng đó là bước chân *Angaka*, và lập tức đưa mắt nhìn ra cửa.

Qua hôm sau nữa, hồn vía *Sophi* như bị ai bắt mất. Nàng bỏ ăn, nằm liệt giường. Đồ chúng *Bà-la-môn* hoảng hốt nhận ra *Sophi* đã ngã bệnh.

Trong khi ấy, ở một ngôi đền hoang trong rừng, chàng thanh niên *Bà-la-môn Angaka* cũng đang sầu héo, rầu rĩ. Lũ khỉ chuyền trên cành ngơ ngác nghe kẻ lạ mặt xâm nhập vương quốc của mình than thở:

- Ta là *Bà-la-môn* có đủ năm đức tính, luôn hướng về cộng trú với *Phạm thiên*. Ta là bậc được đồ chúng cúng dường, tôn kính Đệ nhị. Tại sao chú *Sonananda* lại đem ta ra giấu cọt? Đã đành đó chỉ là thí dụ, nhưng tại sao mọi con mắt chúng *Bà-la-môn* đều quay lại nhìn ta chằm chằm? Hay là bấy lâu nay mọi người đều hiểu rõ ta mà ta lại không tự hiểu mình?

Điều hoàn toàn bất ngờ là *Bà-la-môn Sonananda*, một người học rộng nghe nhiều, được chúng *Bà-la-môn* tôn kính, vẫn không hay biết gì đến phản ứng tâm lý đang diễn ra với người cháu thân yêu của mình, nhưng ở ngoài thành *Campā* đức Thế Tôn lại thấy biết tất cả. Ngài biết rằng sự nhận hiểu sai lầm về chân lý đang xô đẩy chàng thanh niên *Angaka* sang một khúc rẽ mới trong cuộc đời.

Angaka vốn đã được học y thuật từ nhỏ, chàng biết rõ đặc tính của các loại cây cỏ, dược thảo dùng để chữa bệnh. Hôm ấy, *Angaka* tìm hái một loại nấm màu đỏ, phát sáng, bóp nát ra và đắp lên khuôn mặt. Chỉ đến trưa ngày hôm sau, gương mặt *Angaka* đã biến đổi một cách

khủng khiếp, mọc ra những mụn cóc lớn và sần sùi. Lúc này, trông chàng *Angaka* thật xấu xí, không còn một chút dáng dấp nào của khuôn mặt khôi ngô tuấn tú ngày nào.

Kể từ hôm đó, *Angaka* lần lượt trải qua những nếp sống khác nhau giống như những người chủ trương lỏa thể, hoặc những người ngồi trên bàn chông, đứng một chân, hoặc nhịn ăn cho đến khi kiệt sức... Vào thời ấy, những người kỳ dị như thế đầy dẫy khắp xứ Ấn Độ. Họ sử dụng hình thức khổ hạnh ép xác để tập trung tinh thần hướng về sự cộng trú với *Phạm thiên*.

Thoạt đầu, *Angaka* có cảm giác như trong lòng chàng hân hoan, phấn khởi hơn lên với những phương cách tu khổ hạnh. Nhưng trải qua một thời gian sau, chàng dần dần nhận ra đó không phải là những niềm vui chân thật. Tuy nhiên, chàng vẫn bám víu vào một niềm tin là nếu kiên trì theo những lối sống này, cuối cùng rồi chàng cũng sẽ đạt đến sự cộng trú với *Phạm thiên*.

Khi đó chúng *Bà-la-môn* chia nhau lùng sục khắp nơi trong rừng, họ tìm gặp *Angaka* với

khuôn mặt đáng sợ như vậy. Họ tin rằng người có khuôn mặt như thế không thể trở thành người đứng đầu đồ chúng *Bà-la-môn*, không thể đứng trước bàn thờ để làm vị chủ tế long trọng. Nhưng *Angaka* không quan tâm đến điều đó. Lúc này tâm trí chàng chỉ luôn hướng về *Phạm thiên*, không băn khoăn bất cứ một vấn đề nào khác.

Mọi người trở về kể cho nàng *Sophi* nghe mọi chuyện. Nàng cảm thấy thương cho chàng *Angaka*, nhưng biết làm sao được, chàng đã quyết định tự chọn cho mình hướng đi như vậy. Dần dần *Sophi* cũng qua cơn bệnh. Tuy nhiên, từ đó nàng trở nên buồn man mác, thường giấu mặt sau một tấm mạng che. Đã mấy lần gia đình dùng nhiều của hồi môn để tìm cho nàng một tấm chồng xứng đáng, nhưng tâm trí của *Sophi* giờ đây chẳng còn nhìn thấy ai khôi ngô như chàng *Angaka* năm xưa.

V.

*B*a năm sau, đức Thế Tôn du hành trở lại thành Campā. Sau một đêm nghỉ ngơi, sáng ra đức Thế Tôn gọi *tỳ-kheo A-nan* đến và nói:

- Nay *A-nan*, ta vẫn còn nợ xứ này một việc.
- Bạch Thế Tôn, đó là việc của *Bà-la-môn*.

Ngài *A-nan* ngại rằng đức Thế Tôn sẽ mệt mỏi vì phải thuyết giảng nhiều, nên lên tiếng khuyên can. Nhưng Phật dạy:

- Nay *A-nan*, khi gặp một người té xuống giếng, có nên hỏi xem người ấy thuộc dòng tộc nào rồi mới cứu họ hay không? Lại nữa, nay *A-nan*, một người dân có việc tìm đến nhà vua và trường hợp nhà vua tìm đến người dân, điều nào sẽ làm cho giếng mối cai trị bền vững hơn? Lại nữa, trước kia đồ chúng *Bà-la-môn* tự tìm đến ta, nay đã đủ nhân duyên để ta đáp lại việc ấy.

Bà-la-môn Sonadanda lúc này đã già nhưng vẫn chưa tìm ra người để giao vị trí Đệ nhất

chúng *Bà-la-môn*. Chàng *Angaka* trở thành vị tu sĩ khổ hạnh nổi tiếng, nhưng không thể làm người dẫn dắt đồ chúng *Bà-la-môn*. Sau khi thăm hỏi, đức Thế Tôn một mình đi đến chỗ *Angaka*. Trước khi vào rừng, đức Thế Tôn nhờ một người thợ săn thổi lên tiếng tù và. *Angaka* nghe tiếng tù và liền chạy ra khỏi rừng và nhìn thấy đức Thế Tôn đang khoan thai đi tới.

- Này *Angaka*, ta đến thăm người đây. Mấy năm qua, tu hành khổ hạnh như thế, người đã gặp được *Phạm thiên* hay chưa?

- Thưa Tôn giả *Gotama*, tôi chưa gặp được *Phạm thiên*.

- Này *Angaka*, vậy các vị *Bà-la-môn* có huyết thống bảy đời thanh tịnh, tinh thông ba tập *Vệ-đà* có gặp được *Phạm thiên* hay chưa?

- Thưa Tôn giả *Gotama*, tôi nghĩ là họ cũng vẫn chưa gặp. Nhưng họ có nói rằng, những điều họ chỉ dạy là chánh đạo, nếu thực hành theo sẽ gặp được *Phạm thiên*.

- Này *Angaka*, hãy trả lời một cách thành thật. Người nghĩ thế nào, một người chưa từng

gặp được *Phạm thiên* mà chỉ dạy con đường đi đến với *Phạm thiên*, điều đó có hợp lý hay không?

- Thưa Tôn giả *Gotama*, điều đó thật không hợp lý.

Đức Thế Tôn nhìn *Angaka*. Khuôn mặt chàng thanh niên thoáng rung động, biểu lộ tâm thức bắt đầu tò mò. Ngài tiếp tục hỏi:

- Nay *Angaka*, vậy theo người thì *Phạm thiên* có đạt được sự tự tại và không có các tâm dục ái, sân hận, ô nhiễm hay chăng?

- Thưa Tôn giả *Gotama*, tôi nghĩ rằng *Phạm thiên* là người tự tại, không có các tâm dục ái, sân hận, ô nhiễm.

- Nay *Angaka*, nếu *Phạm thiên* là như vậy thì bất cứ ai cũng có thể biết được *Phạm thiên*. Tỉ như tiếng tù và thổi lên, ai cũng có thể nghe. Như tiếng tù và được thổi lên khi này, chẳng phải một mình *Angaka* được nghe, mà nhiều người khác cũng nghe, không có sự phân biệt như kẻ giàu được nghe, người nghèo không được nghe, hoặc người có nhan sắc được nghe, người xấu xí, tật nguyền không được nghe...

Chàng thanh niên *Bà-la-môn Angaka* chợt bừng tỉnh nhận ra được điều đức Thế Tôn muốn nói. Đây chính là lúc *Angaka* chứng ngộ lần thứ nhất. Đức Thế Tôn lặng lẽ quán sát những gì đang diễn ra trong tâm thức *Angaka*. Hóa ra, năm xưa đức Thế Tôn khi trao đổi cùng *Bà-la-môn Sonadanda* nói đến việc loại bỏ yếu tố nhan sắc chỉ là muốn chỉ ra những yếu tố cốt lõi nhất của một người *Bà-la-môn* chân chánh, chứ không hề chê bỏ hay khuyến khích việc hủy hoại nhan sắc. Thật ra, có được nhan sắc tươi đẹp cũng chính là một trong các biểu hiện của giới hạnh thanh tịnh và thiện nghiệp.

Đức Phật tiếp tục giảng giải:

- Nay *Angaka*, trong đời sống của người tu tập cần phải biết đến sự tai hại của *năm món dục lạc*. Đó là: mắt chạy theo hình sắc, tai chạy theo âm thanh, mũi chạy theo mùi ngửi, lưỡi chạy theo vị nếm, và thân chạy theo sự xúc chạm, khoái lạc. Khi người ta sống buông thả theo năm sự khoái lạc do các giác quan mang lại, thì lòng tham lam và dục lạc sẽ được nuôi dưỡng ngày càng tăng trưởng. Nếu ai không biết kiềm chế *năm món dục lạc* trong đời sống

thì chỉ có thể bị mê đắm, trói buộc chứ không thể đạt đến sự giải thoát, tự tại. Và bởi vì *Phạm thiên* được mô tả là đáng tự tại và không có các tâm dục ái, sân hận, ô nhiễm, nên chỉ những ai đạt được sự tự tại và không còn các tâm dục ái, sân hận, ô nhiễm mới có thể cộng trú với *Phạm thiên*.

- Thừa Tôn giả *Gotama*, phải chăng đó chính là con đường dẫn đến sự cộng trú với *Phạm thiên*?

- Này *Angaka*, nếu quả có một *Phạm thiên* như thế thì đây chính là con đường dẫn đến sự cộng trú cùng vị ấy. Này *Angaka*, một người muốn đạt đến sự tự tại, được tâm định tĩnh không phiền não dục ái, không sân hận, ô nhiễm, người ấy phải khởi đầu từ việc thấy biết như thật “*Đây là khô*”, thấy biết như thật “*Đây là nguyên nhân của khô*”, thấy biết như thật “*Đây là sự diệt mất của khô*”, và thấy biết như thật “*Đây là những phương pháp để diệt khô*”.

- Thừa Tôn giả *Gotama*, rồi sau đó thì sao?

- Đừng nôn nóng, *Angaka*. Hãy như đứa trẻ tập bò, sau đó mới đứng dậy tập đi. Khi người

thực hành đến đâu, người sẽ hiểu đến đó. Những điều được nghe trước chỉ là kinh nghiệm của người khác, không phải của chính người. Nhưng ta có một thí dụ cuối cùng: Một thanh niên đi hỏi vợ, chọn lấy một cô gái rất xấu xí. Nhưng sau đó chẳng những hai vợ chồng đầm ấm hạnh phúc mà cô gái ấy còn biết cách làm cho những bà con, họ hàng nhà chồng trước đó sống không hoà thuận nay cũng trở nên hoà thuận. Người ta thật lòng ngưỡng mộ đức hạnh của cô, quên mất sự xấu xí của cô. Hãy suy gẫm về điều đó, *Angaka!*

Đức Thế Tôn vừa nói xong, *Angaka* chấp tay cung kính vái lạy:

- Thật vi diệu thay, Tôn giả *Gotama*. Lời của ngài như ngọn đèn soi vào bóng tối để những ai lạc đường quay về. Mong Tôn giả *Gotama* nhận con làm đệ tử.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời. *Angaka* lại quỳ xuống đánh lễ một lần nữa:

- Bạch Thế Tôn, mong đức Thế Tôn nhận cho con điều này. Sau này khi con dẫn dắt đồ chúng *Bà-la-môn*, con sẽ không thể tỏ lòng tôn kính

đức Thế Tôn theo như ý mình. Vì vậy, khi con đang ngồi xe, nếu con hạ cán roi xuống, mong đức Thế Tôn nhận cho đó là con xuống xe; nếu trong khi đi xe con vẫy tay, xin đức Thế Tôn nhận cho đó là con vái chào; nếu ở giữa chúng hội mà con tháo khăn đầu, xin đức Thế Tôn nhận cho đó là con cúi đầu kính lễ.

Đức Thế Tôn mỉm cười, hoan hỷ chấp nhận.

Quả nhiên, một thời gian sau đó, với đức hạnh và trí tuệ của mình, chàng *Angaka* đã khiến cho tất cả đồ chúng *Bà-la-môn* phải kính phục và ngưỡng mộ. Chàng trở thành người thay thế cho chú *Sonadanda* lãnh đạo tất cả chúng *Bà-la-môn*, và sự kính ngưỡng đã khiến cho không còn ai chú ý đến gương mặt xấu xí của chàng.

Về sau, hội chúng *Bà-la-môn* do *Angaka* lãnh đạo cũng tu tập theo đúng lời dạy của Phật. Và phái này không còn xem nhan sắc là một trong những tiêu chuẩn để đánh giá người tốt.

CHỮ HIẾU

I.

Đôi khi tôi tự hỏi, tổ chức những đám tang hay đám giỗ thật linh đình có phải là bày tỏ lòng hiếu thảo hơn so với những đám tang, đám giỗ đơn sơ của nhà nghèo hay không? Cặp mắt vô minh của chúng ta luôn bị ảnh hưởng bởi hình thức bên ngoài, nên thường cho là việc tổ chức linh đình tỏ ra có hiếu đạo hơn. Nhưng thật ra, đối với những dịp tưởng niệm cha mẹ đã khuất thì sự phân biệt không ở chỗ nghèo hay giàu, mà tùy thuộc nơi tấm lòng của người con. Còn xét về mặt lâu dài thì ai có thể giữ mãi được hình bóng cha mẹ

trong lòng mình, nhớ mãi những lời dạy dỗ của cha mẹ, sáng mãi như ngọn lửa trong hồn, đó mới thật là người con hiếu!

II.

Một bà mẹ đang cặm cùi làm lưng, thằng bé theo nghịch ngợm mãi. Bà bực mình cầm cây roi giơ lên. Tưởng là mẹ đánh con. Không ngờ mẹ hạ roi xuống xoa đầu con, rồi lấy cho con cái bánh, bảo con đi chỗ khác chơi. Sở dĩ “*tưởng là*”, là vì mình đứng bên ngoài. Bước vào trong lòng mới thấy lòng mẹ mênh mông, thương con bằng cả trái tim. Mẹ con tuy hai mà là một, thật diệu kỳ!

III.

Nhưng trái lại, con đối với mẹ một mà là hai. Hầu hết các bà mẹ không mấy khi chịu sống với đứa con khá giả, thường hay chọn đến sống đứa con nghèo, hoặc sống với con trai út. Thế là, những đứa con lớn hay giàu có mỗi tuần lại mang tiền bạc, quà bánh đến thăm mẹ. Chẳng lẽ bà nội ngồi ăn để cháu ngó miệng? Chẳng

lẽ trong nhà thiếu tiền chợ mà bà nội lại giữ tiền bo bo? Thế là những đứa con lớn đôi khi phải cần nhằn “Má lo phần má đi, tội nhỏ bao nhiêu cho đủ!” Thế đấy, con thương mẹ nhưng lại không để ý trong lòng mẹ nghĩ gì, muốn gì. Để rồi mẹ phải nước mắt rưng rưng vì tuổi già phải lệ thuộc con. Mẹ đứng giữa những đứa con khá giả và gia đình đứa con nghèo khó, lòng mẹ chỉ muốn san sốt, bảo bọc cho nó được phần nào hay phần ấy. Mà những đứa con may mắn khá giả kia nào có hiểu cho! Thành ra cũng muốn thực hành đạo hiếu nhưng vì không hiểu lòng mẹ mà thành ra bất hiếu.

IV.

Khi một đứa con hỏi mẹ “Mẹ ăn gì? Con mua cho.” Rất ít có bà mẹ nào trả lời. Nhưng đừng hỏi, con mang tới để đó, mẹ sẽ ăn. Chẳng phải già cả sinh khó tính đâu, mà tuổi già quý con ở tấm lòng hơn món ăn. Thiếu thốn thì chịu, rất ít khi mẹ đòi hỏi ở con.

Có một bà mẹ già sống trong căn nhà mái tôn, nóng bức suốt ngày, quạt máy cũng chẳng

ăn thua gì. Các con đôi ba ngày đến thăm mẹ một lần, tiền bạc, thuốc men, quần áo thay nhau phụng dưỡng không thiếu món gì... Có một người con nghèo quá, không có gì cho mẹ, nhưng thấy mái tôn thiếc nóng quá, anh mới cắt thêm cho mẹ một mái lá kế bên. Mẹ thủ thủ “Nhờ mày chắc tao sống thêm được vài năm nữa.”

Đôi khi việc thực hiện chữ hiếu lại là nhu cầu của người muốn được tiếng đời khen, hoặc chỉ vì sợ cái quả bất hiếu mà ngày sau con cái trả lại. Trong những trường hợp ấy, người “*báo hiếu*” thường không nghĩ đến nhu cầu của đối tượng ở đây chính là cha mẹ. Lẽ nào phải đợi cha mẹ nói cần gì thì con mới biết?

V.

*T*ài sản cha mẹ để lại chẳng những không phát triển, đôi ba năm sau lại làm tiêu sạch. Được cha mẹ sinh ra thân thể lành lặn, không làm cho mập mạp cường tráng lên mà để sinh ra ốm yếu, bệnh tật; không có tật nguyên lại làm cho trở nên tật nguyên, mang vào thân những sự nghiện ngập rượu chè, ma túy... Đó là đại bất hiếu!

VI.

 ó một người con nghe hàng xóm báo tin mẹ chết mà vẫn cứ đi chậm rãi trên đường về. Người hàng xóm vừa lấy làm lạ, vừa bực mình lên tiếng hỏi: “*Lẹ lên cha, đồ con bất hiếu.*” Anh trả lời: “*Dù sao thì mẹ tôi cũng đã chết rồi, về nhanh cũng có làm được gì?*”

Về đến nhà, càng ngạc nhiên hơn. Ai nấy đều khóc lóc, riêng anh ta vẫn lạnh lùng không rơi một giọt nước mắt. Thật ra, người con này đã có sự chuẩn bị từ lâu trước khi mẹ mất. Trong lòng anh luôn có tình yêu mẹ cuộn chảy. Dù mẹ còn sống hay đã chết, lúc nào mẹ cũng vẫn hiện diện trong anh. Vì thế nên anh mới có được thái độ bình tĩnh trước sự ra đi của mẹ.

Sau đó, người con đã từng nuôi mẹ làm ăn ngày càng khá giả, giàu có. Anh cất một ngôi nhà mới, vất bỏ hết những món đồ cũ kỹ của mẹ. Trong đó có cả cái trang thờ Phật Quán Âm mà mẹ anh đã thờ phụng sáu bảy chục năm qua. Người con trước đây không nhỏ một giọt lệ khi mẹ mất, bây giờ lại ngậm ngùi đến nấc lại cái

trang thờ cùng những chén đĩa, bình vôi cũ kỹ mang về nhà.

Nhiều năm sau đó, anh vẫn thường chỉ cho con cái mình xem những kỷ vật ấy, nói cho con biết rằng bà nội đã từng sử dụng chúng như thế nào, kể cho con nghe từng câu chuyện về bà nội khi còn sống...

Cũng không biết là hương hồn người mẹ sẽ theo đứa con nào. Chỉ biết là sự mất mát đang diễn ra từng ngày trong gia đình người con giàu có. Mẹ qua đời rồi, chỉ năm năm sau, con cái không còn biết gì đến bà nội... Thậm chí những ngày rằm tháng bảy, tiết thanh minh... cũng không thăm viếng mộ ông bà. Chữ hiếu chỉ tới đời con, không truyền được xuống đời cháu!



SUY NIỆM HƯƠNG

*Khi thắp lên nén hương,
con hãy thấy cuộc phân ly.
Khói bay lên về trời,
tàn tro rơi xuống đất.
Quán Âm bao giờ cũng
độ lượng nhìn xuống,
Đôi mắt con trông lên
lại thiếu vắng tình thương!
Con chỉ được gặp lại mẹ, gặp Phật,
Khi mỗi chân hương còn lại
là một bằng chứng,
cho lời cầu nguyện,
như một khúc hát...*

NGÔ KHẮC TÀI

MỤC LỤC

Hoa khai kiến Phật	5
Lối về mùa xuân	11
Hoa khai Cực Lạc	25
Chú tiểu ngắm sen.....	31
Ở cõi xa kia và trên đất này	45
Trở về bên Phật đản sinh.....	53
Nụ cười của thiên sư Bờm	59
Người nghèo người giàu	65
Nhan sắc	73
Chữ hiếu	97
Suy niệm hương	103